

TRIỆU LUẬN TÂN SỞ

QUYỂN HẠ

Trụ trì khai sơn chùa Hựu Quốc Đại Muôn Thánh, Ngũ Đài dịch.

Tông chủ Tạng Bang Quốc Công và Đại sư Hải Ấn khai pháp chùa Bạch Mã, Nguyên Đại, Sa-môn Tu Hạnh giảng, là Văn Tài biên soạn.

Phần kế nói về Niết-bàn vô danh. Niết-bàn đời Đường dịch là Viên Tịch, nghĩa là đã có bốn đức nên gọi là Viên, ba chương đã dứt nên gọi là tịch, tức là chân đế đệ nhất nghĩa, ắt thông với không, có của Phật tánh. Nên trong đoạn văn dưới cũng nói nghĩa đệ nhất, ý ở chỗ này, cũng gọi là tận đề, như trong tông nói về vị thì phàm phu đều có nhưng chưa chứng, người Ba thừa mà chưa rốt ráo, đạo quả của Phật tròn chứng rốt ráo, khắc thể thì nhân quả đồng nguồn dựa vào chánh bình đẳng, ở xiển-đề không bớt, ở Cực hỷ địa không thêm. Hạ luận chép: Trời đất và ta đồng căn, muôn vật và ta cùng một thể nhưng nói về xuất xứ có bốn thứ: Một là tự tánh; hai là hữu dư; ba là vô dư; bốn là vô trụ xứ. Thể dụng lẫn lộn thành bốn mà chẳng phải bốn. Tương trở xuống rất dễ hiểu. Vô danh có hai ý: Một là đối đãi nghĩa là thuận dòng gọi là sanh tử, ngược dòng gọi là Niết-bàn, đối đãi nhau mà sanh, do đó gọi là Niết-bàn, nếu sanh tử vắng lặng, Niết-bàn bật đối đãi, đó gọi là Niết-bàn? Nên kinh chép: “Sanh tử và Niết-bàn, cả hai đều không thật có; hai là y cứ vào bản thể, nghĩa là danh nhờ tướng mà khởi, tướng theo danh mà hiện. Niết-bàn không tướng danh từ đâu sanh ra? Hạ luận chép: “Không thể lấy hình gọi là Đắc”, như kinh này cũng nói: “Niết-bàn gọi là gượng lập, cho nên Tịnh Danh cứng miệng biến hữu quên lời, chỉ vì vô danh nên không nói bày, tuy vua Tần đề xướng luận chủ phát huy nhưng cùng bảm thọ nguồn giáo nói mà không làm”.

Tăng Triệu nói: “Triệu nghe Trời được một đế trong, đất được một đế an, vua chúa được một đế trị thiên hạ”. Biểu đoạn không xưng thân mà xưng tên là sự cao cả bên ngoài, đời sau không có khả năng cũng có xưng thân. Trời được v.v... ngôn ngữ này xuất xứ từ họ Lão, một là đạo

tự nhiên, ba là được một, sau đó có thể trong sáng bình an v.v...

Cúi mong, Bệ hạ sáng suốt khâm minh đạo và thần hội khế hợp đạo lý trong vòng rộng lớn chẳng thể không thông suốt, thành tạo muôn cơ hoằng đạo suốt ngày, oai đức trùm cả chúng sanh, thù vãn tác pháp, cho nên đối với nước có bốn đại, mà vua ở một đại.

Thượng thư sáng suốt đức vua Thuấn, Khâm Minh đức vua Nghiêu vì đức của hai vua tốt hơn vua Tần. Đạo nghĩa là chí đạo thuộc về Niết-bàn. Thần nghĩa là khởi thần trí chứng hội này. Hoàn Trung là xuất xứ từ văn của Trang Tử, văn ấy chép: “Sao xu ban đầu được trong vòng ấy để ứng vô cùng”. Kia là dụ cho phải trái lẫn nhau ở đời, đây và kia trái nhau như vòng mà vô cùng, khoảng trống trong vòng thì không có đúng sai nào để gởi gắm hướng chỉ là đạo, lý chẳng thể không thông nghĩa là các lý đều thông suốt. Oai bị... là khen vua Vũ dùng ngự nan văn để làm sách cho đời, nghĩa là ban bố văn giáo cho đời làm phép tắc. bốn đại, họ Lão nói là thiên đại, địa đại, đạo đại, mà vua cũng là đại v.v...

Đạo Niết-bàn chính là chỗ quay về của ba thừa là nguồn gốc của Phương Đẳng, là cội bát ngát mệnh môn bất chỗ thấy nghe, ý nghĩa sâu xa mẫu nhiệm gần như chẳng phải là chỗ suy lường của chúng sanh, nguồn gốc có ba chỗ trở về vốn có một, ba thừa ra khỏi ba cội tuy khác nhưng buông bỏ thân mạng cùng lấy Đại Niết-bàn làm nơi rốt ráo. Mệnh môn là dáng của thủy đại, thuyết trí v.v... như là tông quân, chỗ mẫn trí vân trí của Thân Tử Địa còn không biết hướng chỉ là phạm phu cạn cạn?

Triệu là người thấp hèn, nhờ ân nước mà được rảnh rỗi học tập, làm môn hạ của Thập Công hơn mười năm, tuy các kinh có khác dẫn đến chỉ thú cao siêu chẳng phải một nhưng nghĩa Niết-bàn thường lấy nghe học tập làm trước. Thập hữu, v.v... Dao Công nói: Mười chín tuổi yết kiến Thập Công, ba mươi một tuổi thì mất. Tuy chúng v.v... theo giải thích của kinh nhưng tông thú vô cùng, nghĩa Niết-bàn trước đã nghe tập. Nhưng tài thức ám độn, tuy thường mong dạy dỗ nhưng vẫn nghi ngờ mù mịt, làm tận ngu không dứt. Cũng giống như có kiến giải nhưng chưa trải qua bậc cao hơn xướng trước nên không dám tự quyết định, chẳng may Thập Công qua đời, không còn chỗ tham hỏi lấy làm tiếc nuối. Mạt: Dao Công nói rằng không rõ ràng.

Nhiên vị trở xuống, luận chủ khiêm tốn nói rằng: Tuy giống như có kiến giải nhưng không hề trải qua người cao hơn chỉ bày trước nên không dám tự phán quyết cho là điều tất nhiên, Thập Công vào niên hiệu Hoàng Thỉ thứ mười một thì thị tịch. Nhưng Thánh đức của Bệ hạ

không lẽ loi, riêng thần khế với Thập Công, mục kích đạo tôn, vui trọn tấm lòng trong đó, nên có thể nêu huyền phong kia để gởi gắm mở mang đời mặt tục.

Luận ngữ chép: “Đức không lẽ loi sẽ có gần gũi, do Tần lập đức, đều từ Thập Công mà ra, đồng thanh tương ứng diệu thú chẳng trái, nên tâm thần phù hợp”. Mục kích trở xuống, Trang Tử nói lược rằng: “Ôn Bá và Tuyết Tử đến nước Tề, Trọng Ni thấy hai người không nói một lời. Tử Lộ hỏi: “Nếu người thì mục kích mà đạo tôn ư?””. Nghĩa là mắt chạm nhau đã đạt ý Đạo. Tác vuông là tâm, hai người đồng tâm dùng việc hoằng pháp giáo hóa khai ngộ đời mặt. Phong tức là giáo. Khải tức là khai.

Một hôm gặp Mông Đáp An Thành Hầu Diêu Tung Thư hỏi vô vi tông cực. Vì sao? Vì chúng sanh sở dĩ từ lâu đã trôi lăn sanh tử đều do mê đắm dục lạc. Nếu tâm dứt ham muốn thì không còn sanh tử, đã không còn sanh tử thì trí tuệ tiềm ẩn sâu xa và đức ấy hợp với hư không gọi là Niết-bàn. Đã nói là Niết-bàn vì sao lại dung nhiếp hữu danh trong đó? Diêu Tung cũng là tông nhánh của Tần, dựa vào Hoằng Minh Tập quyển mười tám đời Đường lược chép: “Vua Tần trước có chiếu chỉ rằng đạo lấy vô vi làm tông”. Diêu Tung vặn hỏi rằng: “Xin hỏi đạo vô vi phải lấy gì làm thể? Nếu lấy diệu làm tông thì tuy ở thượng đế trước nhưng chẳng phải cùng cực, v.v...”.

Vua Tần lược đáp rằng: “Ý ta cho rằng đạo dừng ở vô vi, chưa nói rõ lý do về tông”.

Phần cuối lại chép: “Đạo lấy vô ký làm tông, nếu tìm nguyên nhân của ký thì e rằng chính là mê lầm lớn”. Văn phần nhiều không chép, vô vi tức là Niết-bàn. Vì dựa vào sanh tử suy đến Niết-bàn nên gọi là trôi lăn v.v..., quả của sanh tử phải từ nhân với lấy nên nói là trước dục. Nếu dục trở xuống nói ngược sanh tử trở về Niết-bàn. Vô Phục trở xuống thuộc phần trước để nói tiềm phần nghĩa là tâm trí sâu kín. Huyền Mặc là chuẩn tịch, Mặc và chữ mặt đều thông. Mẫu nhiệm tịch mặc nghĩa là Niết-bàn. Nêu ví dụ hư không và vô tướng giống nhau nên nói hợp đức, đức trong tập là chữ thể. Đã nói trở xuống chính là nói lên ý nghĩa là vô vi tông cực, trái lại là sanh tử hữu vi, chứng Niết-bàn vô vi. Vô tướng vô danh cái nào là thể cái nào là tông? E rằng tâm có sự dính mắc, nên lấy vô ký làm tông. Đây chính là hiểu ý sâu xa của lời nói, cực lời nói ngoài tượng, tự chẳng phải đạo bằng với Văn thù, đức ngang với Từ Thị thì ai có khả năng giảng nói huyền đạo là hào thành của pháp?

Ví như đại giáo thu lại mà còn duỗi ra, ý chỉ sâu xa diệt mất mà lại nói lên. Hai câu đầu nói về mỹ là hiểu sâu xa. Vì ngôn là kinh luận, được hiểu rõ kinh luận, hướng về chỗ nói năng ngoài vật. Tự chẳng phải trở xuống là khen đức của Viễn Công. Vua là chủ tôn kính Tam bảo của bốn biển, lời khen tuy quá sự thật nhưng khế hợp như vậy. Sử phạm trở xuống, nghĩa là đại giáo của Phật pháp thu vào mà lại phát ra, vô danh nói chỉ ẩn mất mà lại nói lên đều là thế lực của vua.

Tìm đùa chơi ân cần không thể tạm bỏ, vui ngộ trong lòng tay múa không ngừng. Nghĩa là sở đắc đã sâu, hân cảm cũng dày, không đợi ở tay tự múa không dừng cũng phải chân đạp.

Há chỉ gánh vác giềng mối lúc ấy mới là cầu bến của nhiều kiếp? Giáo đã mở mang truyền bá thì lợi lạc đến vô cùng.

Nhưng Thánh chỉ suy xét, lý kinh luận thiếu có thể dùng pháp, kia trước tiến vào cứu giúp bậc cao sĩ, sợ bọn chấp danh ngôn, chưa hiểu hết ý vua, bắt chước Khổng đối làm mười lược, lại tham văn dôi dào, ý đồ vì mở mang thuyết chỉ, liền soạn luận Niết-bàn Vô Danh, luận có chín chiết mười diễn, tìm tòi các kinh nhờ đó để chứng minh thành vì dụ, dâng lên bệ Hạ luận vô danh đâu cho rằng liên quan đến thần tâm ư? Nghiên cứu cùng tột sẽ nói để dự tính huyền môn, ban bố dẫn dắt người học. Khả dĩ trở xuống, nghĩa là ý chỉ sâu xa mâu nhiệm của vô danh, chỉ có được pháp ở tiên tiến dứt nghi cho bậc cao sĩ. Cụ ngôn đề v.v... nghĩa là bọn chấp danh ngôn chỉ nghe vô danh, chưa thể hiểu hết ý vua, thượng là vua.

Tư Mã Thiên ký sự lấy Đế làm Thượng (vua), nên thử nghĩ trở xuống nghĩa là so sánh mười lược, để làm mười diễn vẫn được. Bọn chấp danh ngôn hậu tiến, bản dịch, Phục Hy vẽ quỷ, lời nói của Văn Vương chi hào của Chu Công, Khổng Tử làm mười lược, tức là trên thoán v.v... Nay chín chiết mười diễn giống như ở đây, há tham v.v... không ở văn rộng mà ở ý nghĩa của diễn ư? Liền làm v.v... rất dễ hiểu, đâu nói rằng trở xuống, tuy soạn diễn luận nhưng không dám tự cho rằng liên quan đến tâm thần diệu? Cùng cực lý sâu xa thỏa đáng, liêu trở xuống chỉ bắt chước theo pháp môn diệu lý, truyền đạt cho người học.

Chương cuối luận chép: “Các nhà thông nghĩa đế bậc nhất đều nói rộng lớn vắng lặng không có Bậc Thánh”. Tôi thường cho rằng khác nhau quá đối, khác nhau rất xa không gần lòng người. Nếu chẳng có Bậc Thánh thì biết không là ai? Mạt chương là trả lời chương cuối cùng của sách Diêu Tung. Khuếch nhiên trở xuống thường chấp thẳng nghĩa vắng lặng không cho có bậc Thánh.

Tôi thường trở xuống chánh minh, quai thù là khác nhau. Hai câu sau là văn của Trang Tử. Lâm Hy Dật nói: “Ranh giới xa nhau”. Nay nói quá đỗi, vì xa lại càng xa. Nếu không trở xuống lập lại, vì chứng thắng nghĩa nên làm Bạch Thánh. Nay là không có thì chứng không chẳng phải Thánh là ai? Không chỉ cho vắng lặng.

Thật như minh chiếu, thật như minh chiếu, đạo dường như vắng lặng trong đó có sự tinh tú. Nếu không có Bạch Thánh thì ai giao du với đạo, khoảnh khắc các học đồ chẳng thể không chân chừ, đạo môn không thỏa mãn ý nghĩa này, nghi ngờ suốt ngày không ai có thể sửa được. Hai câu đầu chánh hứa, phạm đạo trở xuống xuất xứ từ lý, hoảng hốt trở xuống văn mượn của họ Lão. Văn ấy chép: “Hoảng chừ hốt trong đó có vật, yếu chừ minh trong đó có tinh tú, nghĩa là có không khó biết nên nói là hoảng hốt, sâu xa vắng lặng chẳng thể đoán biết nên gọi là minh yếu, lấy yếu minh để nhìn vắng lặng, lấy tinh tú để nhìn Bạch Thánh. Trú trừ là đáng vừa tiến vừa lùi, ửng ửng nghĩa là trong lòng uất nghẹn chẳng thông.

May mắn gặp được bậc minh quán cao kiến phán quyết, tông đồ mới hoạch phá, nhưng những người gõ cửa, hưng thịnh huyền thất, thật có thể nói là bánh xe pháp lại xoay ở cõi Diêm-phù, ánh sáng lại tỏa rang đến ngàn năm. Hoạch Phá, Bạch Thanh, dụ cho tâm nghi ngờ. Phá cũng là úy là đáng cỏ cây tươi tốt. Huyền thật nghĩa là thắng nghĩa Niết-bàn, ý nói rằng: May gặp được bậc minh quân cao kiến phán quyết, lưới nghi rõ ràng được cởi mở. Khẩu quan là bước lên huyền thất, thật có thể nói trở xuống là khen ngợi.

Nay Diễn luận lập tông chỉ bày, khúc biện thể vô danh của Niết-bàn, thể phải rộng lớn vắng lặng bác bỏ lời nói ở bên ngoài, có ba ý, một là diễn vô danh, hai là bỏ dị thuyết, ba là dựa vào Lương Truyện, cũng có Trường Vãng của Thập Công, kiêu tư di lệ hoặc mà làm. Vân Am nói: “Tịch là dừng, dừng các nhá mở rộng chấp đoạn, bài xích chạy theo”. Văn trước đặc biệt không nói đến thuyết bên ngoài, nay đều bác bỏ, ý cho rằng ngay lúc ấy những người học chấp trống không chẳng có Thánh. Phương là ngoài vật hoặc là bác bỏ quyền của Tiểu thừa là sanh tử của nội giới, Niết-bàn ở ngoại giới v.v..., nay thể dụng đều không hai thì ai là nội ai là ngoại? Nên phần dưới chép: Nêu bên ngoài ấy cũng chẳng xa xôi ư?

Điều nhắc lại như trên, kính cẩn dâng trình. Nếu thiếu tham cùng Thánh chỉ thì xin sắc lệnh còn nhớ, nếu có sai mong được chỉ dạy, đây là lời Tăng Triệu nói. Điều nghĩa là điều đoạn, nhắc lại nghĩa là lúc

giấy chưa có chỉ viết trên giản nhắc lại nay đều theo xưa mà dùng. Điều đoạn mười giảng ở trên nhắc lại để dâng lên vua.

Chỉ thọ là chỉ bày truyền trao, khiêm lễ với vua. Bốn truyện chép: “Xem qua trả lời Thánh chỉ ân cần hoàn toàn khen ngợi; sắc lệnh sao chép lại để ban phát cho con cháu, việc ấy được thời thế mà tôn sùng như vậy.

Nê là Nê-hoàn, là Niết-bàn, ba tên này lần lượt xuất hiện khác nhau, vì sở hạ khác nhau, gọi Niết-bàn là âm chính. Các vị tăng Ấn-độ ở Tây Trúc đến khác với năm xứ Thiên trúc, âm bản xứ thành khác, cũng giống như nặng nhẹ của sở hạ xứ này.

Chín chiết mười diễn, chiết nghĩa là phân tích, hữu danh hưng nạn gọi là chiết. Diễn nghĩa là lưu diễn, vô danh gọi chung gọi là Diễn.

Khai thị bậc nhất, một trong mười diễn, là khai trương là tông bốn. Đầu tiên là lược mở bày tông bốn khiến cho biết đại nghĩa, sau đó mới phân tích diễn quanh co khéo léo chỉ bày, khiến người thâm nhập, dường như ở Mệnh Chương trong Hiếu Kinh chép như thế. Sau đó chín diễn tông này, diễn này.

Vô danh kinh gọi Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư, đời Tần dịch là vô vi, cũng dịch là diệt độ, vì muốn nói sự tinh vi của Vô sanh nên chép có hai tên, lại nói lên hai ứng vật giả hiệu này để ngộ chân thường mâu nhiệm của vô danh.

Vô vi là lấy hư vô vắng lặng mâu nhiệm ở hữu vi. Diệt độ là nói đại hoạn ấy, biến mất vĩnh viễn, siêu độ bốn sanh. Vô vi là nói theo thể, diệt độ chấm dứt chướng ngại mà gọi, phần đoạn thay đổi thành đại hoạn, muốn thấy có ngu si làm bốn dòng.

Đây chính là chỗ quay về của gương và vật, bật xung gọi đó là nhà tối.

Câu đầu ví dụ tình huống để nói chỗ trở về, câu sau là nói pháp, lược trình bày vô danh, dấu vết có không như hình tượng trong gương, tượng đi thì trở về gương, vết gương trống thì trở về tánh, câu này bật tướng, câu sau lia danh. U trạch là Niết-bàn, vì là chỗ quay về của ba thừa và chín loài, nghĩa là Trạch.

Hỏi: Nếu nói là bất xung vì sao lập hai tên, mà nói rằng hữu dư vô dư, hay là xuất xứ khác tên, vì ứng, vật nên có tên giả? Xuất xứ giống như động và tĩnh, xuất gọi là hữu dư, xứ gọi là vô dư, xuất xứ không giống, có và không khác tên, ứng vật mà có và chẳng ứng thì không, nên gọi là Giả.

Tôi có thử nói về điều ấy, hễ là đạo Niết-bàn thì lặng lẽ rỗng

rang không thể dùng hình tướng danh tự mà được, mầu nhiệm vô tướng không thể dùng hữu tâm mà biết, vượt qua chúng sinh mà cao siêu, đo hư không mà vĩnh chín, tìm theo nó không thấy dấu vết, đón tiếp không thấy, sáu đường không thể gồm sanh trong đó, dùng năng lực gánh cũng không được hóa thể của nó, mênh mông mù mịt như còn như mất năm thứ mất không nhìn thấy nghi dung ấy, hai tai cũng không nghe tiếng ấy, lặng lẽ sâu xa ai thấy ai biết? Di luân (tổ chức làm việc) chẳng có chỗ nào không có mặt, mà chỉ kéo ra ở ngoài có không. Phàm Niết-bàn trở xuống gồm có mười chín câu, câu đầu nêu thể, các câu khác đều phân biệt về tướng, tức là Niết-bàn tự tánh thanh tịnh chung cho cả phàm và Thánh, như xuất hiện môn thể tánh chân thường của kinh. Hai câu đầu đáp đều là câu trên nói lên tướng, câu dưới hiển lý, trước là danh tướng sau là tâm duyên. Các cõi trở xuống hai mươi lăm cõi là là khổ. Lượng hư không trở xuống là do bằng với hư không mà tồn tại mãi mãi. Khéo tồn tại chẳng phải không. Tùy trở xuống hai câu chẳng phải trước sau và khoảng giữa, là vô thường.

Sáu đường trở xuống hai câu là là sanh diệt, cũng là vô ngã, nghĩa là Niết-bàn chấp ngã có nghĩa chủ thể tự tại chân thật, chẳng thể bao gồm khiến cho sanh hóa khiến cho diệt, đây là nói về việc phá Hai thừa. Bốn câu cuối giải thích ngược lại. Hoàng Mãng trở xuống là chứa nước thành ao gọi là hoàng, nước tràn ngập gọi là mãng, nay lấy nghĩa rộng lớn, còn mất khó định nên nói là mênh mông, nghĩa là nói còn xa xôi ở đây đến chỗ kia, nghĩa là nói đến kia, tự nhiên còn đây. Cũng như họ Lão, phần lớn là đi qua và trái lại cũng có thể nói tồn vãng giống như có không. Ngũ mục trở xuống, thành vô tướng trước. Ngũ mục tức là năm thứ mất, hai thỉnh tức là hai tai, thành vô danh trước. Minh minh trở xuống nghĩa là sâu xa. Mục thâm nghĩa là sâu thẳm, nay chọn nghĩa sâu, thấy ai biết thành là tâm ở trước. Di luân là nghĩa bao gồm, không có chỗ nào chẳng có mặt. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Pháp tánh trùm khắp tất cả chỗ v.v...”.

Như vậy, nói điều ấy thì mất chân thật của mình, biết đến điều ấy thì ngược lại cái ngu của mình, có điều ấy thì ngược với tánh mình không có điều ấy thì thiệt hại thân mình. Không biết phi danh phi tướng mà gượng nói gượng biết, nên mất đi chân tánh mà trở lại ngu si, chẳng biết phi hữu phi vô mà gượng cho rằng có và không nên trái với tánh mà tổn hại thân mình. Tổn hại đến thân là bản tánh của thân khởi, nay đã là không nên tự tổn hại thân mình. Đông An Trang Công nói: “Có chất không thành tìm nguồn thì tâm tối, chẳng có chất thì không thành,

duyên khởi muôn hình.

Cho nên am thất của Đức Thích-ca ở Ma-kiệt-đà, Tịnh Danh ngâm miệng ở thành Tỳ-da, Tu-bồ-đề xướng vô thuyết để nói lên đạo, Thích Phạm bật thính mà mưa hoa. Dẫn chung ba việc, hai việc trước nói về vô thuyết, một việc sau nói cả vô thính. Ngược lại chứng minh phần trước nói đến điều ấy là mất chân thật của mình. Ma-kiệt là tên nước. Pháp Hoa chép: “Đức Như lai thành Phật trong hai mươi mốt ngày mà không nói pháp”. Trí Luận quyển bảy chép: “Phật đắc đạo, năm mươi bảy ngày mà không nói pháp, v.v...”. Nghĩa nói là am thất. Sự việc trong Kinh Tịnh Danh rất dễ biết. Thích Phạm v.v... Kinh Đại Phẩm Bát-nhã từ phẩm Thiên Thủ về sau, Tu-bồ-đề dựa vào dụ huyễn hóa, nói rộng lý Bát-nhã sâu xa vô thuyết vô thính. Đến phẩm Tấn Hoa, Thích Đề Hoàn Nhân và trong Tam thiên Đại thiên thế giới, bốn vị thiên vương v.v... hóa thành hoa trời rải trên Phật và đại chúng v.v... ý nói Tu-bồ-đề vì thuyết thính không nên nói là không nói để nói lên thật tướng, các vị trời hiểu không thính mà vô thính vì cúng dường pháp sâu xa nên rải hoa.

Đây đều là lý làm thân ngộ nên miệng vì đó im lặng, đâu nói rằng không phân biệt ư? Phân biệt chỗ không thể nói. Tư giai là chỉ có chứng mới cho ba việc trên, chỉ chứng tương ứng, cho nên miệng đều im lặng. Không nói là Thích-ca Tịnh Danh không thích nói tranh luận, chỉ có tranh luận mà không thể nói.

Kinh chép: “Chân giải thoát là lìa nói năng, vắng lặng vĩnh viễn an vui vô thỉ vô chung, không sáng không tối không lạnh không nóng, vắng lặng như hư không, vô danh vô thuyết”. Luận chép: “Niết-bàn chẳng phải có cũng chẳng phải không, dứt đường nói năng, bật chỗ tâm làm”. Nghĩa dẫn kinh Niết-bàn và kinh Tịnh Danh. Kinh Niết-bàn quyển năm nói rõ chấp tướng giải thoát. Trong phẩm hai mươi mốt cũng chép: “Niết-bàn chẳng có các tướng”. Phẩm A-súc Phật trong Kinh Tịnh Danh nói quán thật tướng, văn phần nhiều cũng giống nhau, cần thận dẫn ra e rằng rối rắm đại nghĩa Niết-bàn. Thể tức là thật tướng bậc nhất nghĩa của các pháp, không bắt ở danh số lìa các đối đãi, tánh vốn tự lìa chẳng dùng phương tiện, luận tức là Trung luận.

Phàm lập kinh luận đâu có hư cấu? Nếu có việc ấy lẽ ra không có vì không thể được mà có. Có việc ấy cho nên chẳng thể không vì chẳng thật có mà không.

Thuyên lý là giáo, nếu không có lý ấy há hư cấu ra văn ấy hay sao?

Vì sao? Vì vốn có cảnh thì năm ấm hoàn toàn diệt, suy đến không phương hưởng thì u linh không hết, u linh không hết thì ôm lấy cả một sự trong lặng. Năm ấm hoàn toàn diệt thì muôn lụy đều bỏ, vì muôn lụy đều bỏ nên thông đồng với đạo, vì ôm lấy trong lặng nên thần mà không công, vì thần mà không công nên chí công thường còn, vì thông đồng với đạo nên sâu mà không thay đổi, vì sâu mà không thay đổi nên chẳng thể thật có, vì chí công thường còn nên chẳng thể là không. Hai câu đầu đáp có không đều không, hai thứ khổ ấm đã mất nên nói là diệt hẳn, không cũng chẳng có hưởng, nhưng ranh giới có không cả hai đều khác, nghĩa nói là hưởng. Bát-nhã khéo tồn tại nên nói không hết, thâm khế hợp với lý nên nói ôm một. Sự khổ của hoặc nghiệp như bụi như cát nên muôn lụy đều bỏ, chân giải thoát nên cũng có thể là năm ấm, diệt hẳn là lạc, u linh không hết là ngã vậy, ôm một vắng lặng là thường, muôn lụy đều trừ là tịnh. Thông đồng với đạo là ba việc bốn đức chẳng khác thể, nên tư bao nhất trở xuống là nói về thể, thần nhi trở xuống là nói lên dụng. Vô công tức là thần mà thường trong lặng. Thường tồn là tuy nói vô công nhưng thần ứng không dừng. Nên kinh Niết-bàn chép: “Có thể lập đại nghĩa”. Bốn câu sau dựa vào thể để nói chẳng phải hữu, dựa vào dụng để nói chẳng phải vô, vì thể dụng cùng nguồn nên chẳng thật có chẳng thật không. Nếu mỗi mỗi đều nói thì vì năm ấm diệt nên muôn lụy mất, vì muôn lụy mất nên đồng với đạo, vì đồng với đạo nên sâu mà không thay đổi, vì sâu mà không thay đổi nên chẳng thể là có, hợp nhau giải thích thành hữu cảnh vốn có ở trước v.v... phần trên y cứ vào thể dụng để nói.

Như vậy thì có và không dứt bật ở bên trong, xứng, vị lưu lạc ở bên ngoài, chỗ thấy nghe không kịp, chỗ bốn không mơ hồ, điềm nhiên mà bằng phẳng, rõ ràng mà thông suốt, chín thứ vì thế được cùng về, các Thánh vì thế mà được hiểu rõ, đây cũng bao gồm phần trước mà nêu. Câu đầu dứt hai thứ tướng, câu kế lia hai thứ danh. Thấy nghe trở xuống, vì chẳng phải danh tướng nên thấy nghe cũng chẳng bằng được. Bốn không là bốn Vô sắc. Hôn muội là Niết-bàn chẳng phải định Bốn không, nếu lấy đây mà cầu thì làm sao biết rõ được, nên nói là hôn muội. Điềm nhiên trở xuống, lại thành nghĩa trước, vì sao? Vì điềm nhiên mà bình đẳng. Chín dòng có hai: Một là chín địa, hai là chín dòng trị thế, tức là tên của Nho, Mặc, v.v... các bậc Thánh ba thừa. Ý nói đạo Niết-bàn là chỗ trở về của chín cõi là chỗ hội hợp của các bậc Thánh, Vương thành không hai, khác đường mà cùng trở về.

Đây chính là cảnh hy di, hưởng thái huyền, mà muốn lấy có không

viết danh sách chỉ ở phương côi ấy mà nói đạo mầu nhiệm ấy, cũng chẳng xa xôi lắm sao?

Đạo Niết-bàn chẳng phải thanh, chẳng phải sắc đâu thể lấy hữu dư làm có, vô dư làm không? Dựa vào bảng tên nêu mục tiêu, chỉ chỗ nghĩa là cung vua dựa vào vật chất làm có, song lâm bật dấu vết làm không mà nói đạo mầu nhiệm ấy há không xa xôi lắm hay sao? Vì thành tựu vẫn trước giả, danh ứng vật như thế. Xét thể thứ hai là một trong chín chiết, xem xét sát hạch. Vì trước đã nói thể của Niết-bàn chẳng phải có chẳng phải không, nên nay phân tích thể rốt cuộc ở đâu? Đây là mượn câu hỏi có không của người Hai thừa để phá chấp cho họ.

Hữu Danh chép: “Danh hiệu không luống sanh, xưng vị không tự khởi”. Xưng vị là ngôn thuyết. Dựa vào nghĩa mà có tên, nhờ tên mà khởi thuyết.

Kinh nói Niết-bàn hữu dư Niết-bàn vô dư là tên thật của phần bốn, diệu xưng của thần đạo, xin thử trình bày, phần bốn là tên của vô dư, thần đạo là hiệu của hữu dư, nghĩa là ẩn hiện khôn lường gọi là thần, chỗ đi qua còn gọi là Đạo.

Hữu dư là Như lai đại giác mới có, pháp thân mới lập tắm dòng nước trong tám giải thoát, nghỉ ở rừng xanh thất giác chi, chứa nhóm muôn điều lành trong nhiều kiếp, bỏ vi trần từ vô thủy, người Ba thừa dứt phiền não chướng, vắng lặng không ồn ào, đó gọi là Niết-bàn. Hữu dư vì duyên v.v... chưa diệt nên gọi là hữu dư, ý của luận cho rằng: Chánh giác thành Phật chứa đức dứt chướng, tự lợi lợi tha v.v... đều là vui của hữu dư. Như lai là nương vào đạo như thật mà thành Chánh giác, chọn giác ở phần nhỏ nên nói là Đại giác. Năm phần như giới v.v... gọi là pháp thân, y báo mà trụ nên trước sau như vậy. Tám giải là nhờ tu tám quán theo đó mà được giải thoát, tức là bên trong có sắc v.v... đây có thể tịnh hoặc dụ tắm dòng nước trong. Bảy giác nghĩa là giác phần niệm trạch v.v... Đức Phật đã tu tròn đủ như nghỉ ngơi ở trong rừng tươi tốt, trên nói quả mãn, dưới nói nhân tròn. Tích muôn trở xuống, Đại Tiểu thừa đều nói ba tăng-kỳ số sáu độ muôn hạnh, nhưng nghĩa lại khác không phiền nêu hết. Đãng vô trở xuống là nói về dứt hoặc. Thọ trở xuống là hợp đoạn, nghĩa là ba mươi bốn tâm v.v... trí dơ sạch dụ cho bụi trần.

Ba minh chiếu bên trong, thần quang soi bên ngoài, kết tăng-na ở tâm ban đầu, đem trọn đại bi để ra đi cứu giúp. Ba minh tức là trí biết sanh tử trong ba đời, đối với tâm là bên trong, soi nơi khác là bên ngoài. Tăng-na là tiếng Phạm, Hán dịch là Hoằng thệ. Nạn là côi sanh tử, vì

Đức Như lai ban đầu phát tâm thệ nguyện độ hết chúng sanh, nên thành Phật rồi, đáp lời nguyện mà lợi sanh.

Ngược lên dựa vào lý cú xuống thì nâng đỡ sự yếu kém, vượt ra ba cõi một mình giẫm cả đại phương mở con đường bình đẳng tám chánh và con đường bằng phẳng cho chúng sanh, phi ngựa thần sáu thông, cưỡi xe an toàn năm thừa, đây là nói lên nghi thức lợi sanh. Ngưỡng là hướng lên trên, phủ là cú xuống. Huyền căn là dụ cho lý. Nhược táng là yếu hèn để mất nước, dụ cho bỏ giác theo trần, đây có ý nói như muốn cứu người bị chìm, trên nhờ vào gốc cây, dưới cứu giúp người chìm thì thân mới không bị lún. Đức Như lai cũng như thế, dùng bốn trí soi chân, hậu trí cứu vật, sanh tử không trôi buộc được.

Hai câu kệ nói vượt ra ba vực chính là ba cõi, bên ngoài cõi gọi là Đại phương, cũng là lý hai không. Đức Phật riêng mình bước qua đại phương ấy, dùng giáo lý Tiểu thừa nói pháp chỉ có một mình Tất-đạt có tánh biến giác. Tám chánh là chánh kiến, chánh tư duy v.v... Chúng thứ: thứ nghĩa là thứ nghiệt, tức là ngoại đạo dị kiến, nghĩa là mở rộng tám chánh để tội phục các thứ tà kiến, đường tà không dẹp bỏ do bình đẳng mà dẹp bỏ sinh nghĩa là phi nhanh, ngựa hay gọi là ký, thần thông hóa vật ứng cơ nhanh nhẹn, nên dụ là ngựa thần. Tiếng Phạm là Diển-na, Hán dịch là thừa, tức là pháp năm thừa, đó là giới thiện để duyên sáu độ v.v... về An Xa Vân Am nói: “Ba thừa ra khỏi ba cõi, nhân thừa ra khỏi ba đường”. Nên nói là an, hóa nghi rộng lớn, mở chánh phá tà, vận thần thông nói pháp. Đến nổi ra vào sanh tử đời đời theo vật, đạo chẳng thể không đạt, đức chẳng thể không thí, cùng hóa vô thí vật, cực diệu dụng của trí. Hai câu đầu nói tùy căn cơ nên sanh thì xuất, nên diệt thì nhập, chỉ lấy lợi ích chúng sanh làm bản hoài, đời đời đâu chắc chắn? Y gồm giáo hóa tùy thứ. Hai câu kệ nói giáo hóa rộng khắp, nghĩa là tám chánh đạo bình đẳng truyền khắp ba cõi đều thấm nhuần. Năm thừa đều chuyển chở chúng sanh đều cứu giúp. Hóa vô trở xuống, sách đạo lấy khí làm hóa vô.

Vân Am nói: “Nhân duyên sanh ra các pháp như hóa vô. Huyền xu dụ cho trí, môn xu vận chuyển dụ cho hậu trí ứng động, nhưng câu trên đây nêu hóa cảnh, câu dưới nói hóa trí nghĩa là cùng tận lý nhân duyên sanh ra vật, cực diệu dụng của trí ấy, nói gọi là nhân duyên sanh diệt, biết người đáng độ thì độ, không đáng độ thì giữ lại. Lại biết thích hợp Đại thừa, thích hợp Tiểu thừa v.v... do đây mà biết ngọn ngành và cực diệu thần diệu của trí mà giáo hóa. Tĩnh lặng rỗng rang ở vô tận. Trí Nhất thiết soi sáng nơi u tối, sẽ dứt nhìn về chín cõi, ngập chìm mãi mãi ở thái

hư. Câu đầu là sở chứng, câu kế năng chứng. Tiếng Phạm là Tát-vân-nhà, Hán dịch là Nhất thiết trí nghĩa là phát ra ánh sáng trí soi rõ lý trước. Trầm là điềm báo trước. Chín chỉ là chín địa. Thái hư là vô dư. Muốn kết tên hữu dư, trước nêu chứng lý nhập tịch, phân tích rõ ý này nghĩa là Như lai vốn muốn đắm chìm trong thái hư nhưng dư do không tận ở hữu dư, mà hữu dư do bất tận, dấu vết của dư không lẫn lộn, nghiệp báo giống như hồn Thánh trí còn tồn tại, đây là Niết-bàn hữu dư.

Gồm có bốn việc: “Một là dư duyên tức là độ căn cơ khác; hai là dư tích tức là thân sở y; ba là nghiệp là cảm nghiệp báo vẫn có hồn khí; bốn là Thánh trí chưa diệt đều là hữu dư”.

Kinh chép: “Đào thả bùn đất như luyện vàng ròng, muôn lụy đều hết mà linh giác vẫn còn. Hai câu đầu dụ cho bụi cát như muôn lụy, vàng như linh giác, lọc bỏ cầu bản đi thì vàng ròng hiện, muôn lụy hết thì linh giác còn. Đào là đào thả, đã là rèn luyện.

Vô dư là duyên giáo hóa xong, linh chiếu hoàn toàn mất rộng lớn không bờ mé nên gọi là vô dư, duyên tích đã kết thúc, nghiệp trí đã mất không có dư thừa. Thế nào là mối lo lớn của phàm phu chẳng có gì bằng có thân, nên diệt thân để trở về không, siêng năng khổ nhọc không gì bằng trước là có trí, cho nên bật trí để chìm vào thái hư. Văn có hai đối, câu đầu đều nêu về mối lo, câu sau vui với vắng lặng, đầu tiên là thân hậu trí như văn chép rất dễ hiểu. họ Lão nói: “Ta có mối lo lớn vì ta có thân”.

Như vậy thì trí do hình hài mà mệt mỏi, hình hài do trí mà nhọc nhằn, trôi lăn đường dài, mệt mỏi mà không dừng, muốn dưỡng hình hài ấy trí suy nghĩ đặt ra kế hoạch, trí ấy vì hình hài mà mệt mỏi, trí đã suy nghĩ tính toán, trái lại làm cho thân ngày đêm làm việc, thân ấy vì trí mà nhọc nhằn, do đây phục dịch lẫn nhau trong con đường dài sanh tử, như bánh xe xoay vòng tuy có mệt nhọc nhưng không dừng.

Kinh chép: “Trí như chất độc lẫn lộn, thân như gông cùm. Thân trầm lặng lẽ lấy đó để xa xôi, hoạn nạn lấy đó mà khởi”. Vì trí lự không chung nhất nên nói là Tạp, độc như thuốc độc thế gian, làm tổn hại tánh mạng.

Trất cốc là dụng cụ hình phạt, cùm chân gọi là trất, trói tay gọi là cốc, gông cùm giam giữ người, người quã thật rất chán ghét, thân làm tai họa cho người nhàm chán cũng phải như thế. Uyên mặc trở xuống là chỉ lỗi, uyên mặc nghĩa là vô dư, thân trí đều tồn tại nhưng có hai lỗi: một là xa vô dư, hai là sanh ra vất vả hoạn nạn.

Cho nên bậc chí nhân tàn nguội bật trí, xả bỏ thân thể dứt trừ

vọng lự, bên trong không siêng năng soi chiếu, bên ngoài dứt gốc đại hoạn, thoát ra ngoài trần thế phân chia hẳn với các cõi, lẫn lộn như thể cùng thể với thái hư. Vắng lặng ở đây mà chẳng nghe thấy, sợ hãi ở đây không triệu chứng, mờ mịt đi mãi không biết chỗ đến. Chí nhân là Như lai, thể chất gọi là thân, dung nghi là hình, nguội thân là tổn đến thân tâm mình.

Hai câu kế giải thích thành vô lự. Siêu quần trở xuống sáu câu là nói về lợi ích: Một là vượt qua các cõi lìa tướng sanh diệt; hai là cùng thái hư nói lên lợi ích vô vi; ba là chẳng phải thanh chẳng phải sắc; bốn là rốt ráo không lui sụt.

Đây giống như đèn hết lửa tắt, chất dầu khô cạn, đây là Niết-bàn vô dư. Đấng hỏa dụ cho thân trí, cao minh dụ cho hình lự.

Kinh chép: “Năm ấm đều hết, thí như đèn tắt, thân tâm năm ấm không có tự thể”. Như vậy thì hữu dư được gọi là hữu xưng, vô dư được gọi là Vô danh, Vô danh được lập thì tông rỗng lặng, thưởng thức ở chỗ sâu xa lặng lẽ, hữu xưng danh thì giữ lại đức, càng kính ngưỡng công đức của bậc Thánh. Đây chính là lời dạy của kinh điển, là phép tắc của bậc Thánh đời trước.

Hai câu đầu cho rằng có hai lý này, được đặt bằng hai tên, hai câu kế là nói về lợi ích. Tông hư nghĩa là Hai thừa căn cơ nhỏ hẹp tánh vốn thích nhập diệt, dựa vào danh cầu thật mà nhập vào Niết-bàn vô dư. Hoài đức nghĩa là bậc Đại nhân tu hành sáu độ, tánh thích lập đức, dựa vào danh cầu thật mà kính mến hữu dư. Hai câu sau, một là Thánh giáo định lượng, hai là phép tắc của bậc Thánh đời trước. Mà nói: “Có không bật ở bên trong, xưng vị lặng ở bên ngoài, sự thấy nghe không kịp, chỗ nghĩ không hôn muội làm cho chỗ hoài đức của phàm phu tự dứt. Tông hư là chẳng nương tựa. Bốn câu đầu dẫn văn trái lại âm ở trước, hai câu sau nói về hai cơ còn mất. Chẳng khác bịt tai mắt ở thai sanh và noãn sanh, che huyền tượng ở ngoài bầu trời, mà đòi hỏi sự khác nhau về cung thương của phàm phu, phân biệt sự khác nhau giữa tăng và tục. Huyền tượng là ánh sao trên trời, Tiêu là bầu trời. Cung thương là hai trong năm âm, nêu cả hai ví dụ, lấy ví dụ bên ngoài mất danh tướng, bên trong bật có không, hai ví dụ lược nói, đầy đủ là che huyền tượng (ánh sao) ngoài bầu trời, đóng cung đàn đối với nhà, lại trách bọn mù quáng làm cho phân biệt sự khác nhau của huyền tượng đen trắng, sự khác nhau của tiếng đàn cung thương, do đâu mà được?

Pháp Trung ý nói: Bên trong còn có không, bên ngoài còn xưng gọi, còn sợ không vào. Nay trong ngoài đều bật, thì lấy gì ký gởi mà ngộ

nhập. Bọn đệ tử biết viễn suy Niết-bàn ở ngoài có không, cao vận bất xuống ở ngoài hình danh, mà luận chỉ không hề biết chỗ về. Vì đường tối tâm nên tự ẩn mà chưa nói lên. Tính tư u tầm không có chỗ gợi lòng. Hai câu đầu nêu được, mà trong luận lại hiển mất.

Chí nhân là Niết-bàn. xuất hiện sơ chép: Tuy nói hiện thân tức là đại dụng của Niết-bàn nhưng có không trở xuống tham thuyết, nghĩa là không danh tướng mà nảy sinh ra vật, vật không thể tạo là tự tiềm tàng. Tính tư trở xuống tức là có danh, tầm tư không có chỗ để lòng, đâu gọi là sáng rực rỡ đối với nhà tối, tấu huyền hưởng chỗ không nghe ư?

Đại minh nhật nghĩa là nếu danh tướng đều bất không hợp với căn nghi thì không thể nói là mặt trời chói sáng trong phòng tối, khiến thấy tướng ấy tấu lên âm thanh mầu nhiệm ở chỗ chưa nghe, giúp cho nghe âm thanh mầu nhiệm ấy đều vận hỏi theo danh tướng.

Vị thể thứ ba là hai trong mười diễn. Vị còn là an, cũng chính là lập.

Vì có danh xét thể, không có chỗ gợi lòng, nên nay an lập. Vô danh chép: Hữu dư vô dư là tên khác của Niết-bàn, chỉ giả danh ứng vật. Tên khác cũng là gượng gọi, còn tên gọi khác là phong danh, chí khí tượng là mê hình. Do nói phong danh, chí khí mê tượng cho nên đều mất.

Kinh Lăng-già chép: Danh tướng thường theo nhau mà sanh vọng tướng.

Danh cũng cùng cực ở đề mục, hình cũng tận ở vương tròn, vương tròn có chỗ không tượng, đề mục có chỗ không truyền, đâu thể dùng danh ở vô danh hình ở vô hình ư? Hai câu đầu nêu danh tướng đã hết, vật tượng thể gian không vương tròn thì tròn. Hai câu kế nói về diệu thể, vì chẳng phải tượng nên vương tròn đâu phải năng tượng, vì chẳng phải danh nên đề mục đâu phải sở truyền. Đại sao tượng là viết chữ. Hai câu sau là nói lên không thể, danh chỉ danh ở khả danh, tượng chỉ tượng ở khả tượng thể không danh không tượng, đâu thể gượng gọi là danh, tượng ư? Đề là Niết-bàn vô danh. Nan Tự chép: Hữu dư vô dư là tin bốn ý lập giám quyền tịch, cũng là thành tích ẩn hiện của Như lai. Câu đầu nhắc lại văn kể về hữu dư vô dư của danh gia ở trước. Tín thị trở xuống, tung là quyền nghi, tung có hai ý, một quyền tịch là vô dư, tùy nghi phương tiện, nên gọi là quyền. Lập giáo là hữu dư, đều là bốn ý hóa sanh của Như lai. Hai là thật tịch ẩn hiện, ẩn là vô dư, hiển là hữu dư. Nhưng chưa phải là chỗ cùng tột của huyền tịch bất lời. Lại chẳng phải quyết định đạo mầu nhiệm trong vòng Niết-bàn. Trước là ý lập

giáo quyền tịch, chẳng phải cùng tột huyền tịch bật lời. Vì vô tướng nên huyền, vô danh nên tịch. Trước là tịch ẩn hiện, cũng không phải bật sự mầu nhiệm trong vòng, mầu nhiệm trong vòng đâu cho phép ẩn hiện ư? Bọn đệ tử không nghe nói chánh quán ư? Duy-ma-cật nói: Ta quán Đức Như lai vô thủ vô chúng, sáu nhập đã qua, ba cõi đã ra, không ở phương không lìa phương, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, không thể dùng thức biết, không thể dùng trí biết, không lời không nói chỗ tâm hành diệt, dùng đây mà quán mới gọi là chánh quán, dùng quán khác thì chẳng thấy Phật.

Kinh Phóng Quang chép: Phật như hư không, chẳng đến chẳng đi, ứng duyên mà hiện, không có nơi chốn. Câu đầu hỏi kinh nói chánh quán, chỉ có đệ tử chưa nghe chẳng? Duy-ma trở xuống cũng theo nghĩa dẫn ra. Vô thủ trở xuống ba câu hiểu siêu. Vì tướng sanh đã hết nên nói vô thủ, tướng diệt đã mất nên nói vô chúng. Lại nữa, ba đời đã cùng tận nên nói sáu nhập sáu căn. Căn cảnh hợp nhau nên gọi là sáu nhập. Dĩ quá là vô lậu tịch sắc không nhập trần lao. Ba cõi trở xuống vì sự trói buộc trong ba cõi đã hết. Chẳng còn trở xuống bốn câu ngăn biểu đồng thời. Không thể trở xuống bốn câu hiển thể tham huyền. Từ đây trở xuống kết chọn tà chánh, đều là kinh xưa dịch có chút khác với kinh dịch nay. Kinh Phóng Quang trở xuống tức là nghĩa, dẫn quyển mười ba kinh ấy, Bồ-tát Pháp Thượng trả lời ý đã hỏi của Tát-đà-ba luân.

Đại Sớ chép: Nếu có nơi chốn đây hiện kia không, vì không có nơi chốn nên cảm nơi nào thì hiện thân nơi ấy. Đây trước đều chỉ bày tự tánh Niết-bàn, dưới chỉ bày vô trụ cũng ứng hóa Niết-bàn.

Như vậy thì Bạc Thánh ở thiên hạ lặng lẽ rỗng rang không chấp trước không cạnh tranh, dẫn dắt mà không đi trước, cảm nhận mà ứng sau, nương vào ý kinh trước để phân tích. Kinh trước chép: Phật như hư không tùy duyên hiện ra, nên nói rằng đối với thiên hạ, nghĩa là ứng đều cùng khắp đồng với thể. Tịch mặc trở xuống là nói lên chẳng phải thanh sắc vì thân không chấp thọ hai chấp không bao giờ nên cạnh tranh, không cạnh tranh là Niết-bàn, dẫn dắt trở xuống cảm mà dẫn dắt, trước khi chưa bệnh thì không có thuốc.

Ví như tiếng vang trong hang tối, vật trong gương sáng, đối với những điều ấy không biết nơi đến, theo nó cũng chẳng biết chỗ đi, mơ mà có, màng màng mà mất, động mà càng lặng, ẩn mà thêm rõ, ra tối vào tối, biến hóa vô thường. Hiển vô trụ, bốn câu đầu là dụ thuyết, sáu câu sau là pháp dụ đều chung, hang và gương đều dụ cho thể vô danh, chất đối gương người kêu trong hang đều dụ cho căn cơ có công

năng chiêu cảm.

Hoặc tiếng vang hoặc bóng vật đều dụ cho ứng. Trong đó vật dụ cho ứng thân, tiếng vang dụ cho nói pháp, cảm mà đến gọi là hữu dư, đến mà thật chẳng phải thật đến, tuy đối diện mà không biết chỗ đến là không trụ ở hữu dư, cảm tạ mà đến gọi là Vô dư. Đi thật chẳng phải đi, muốn theo mà không biết phương hướng là chẳng trụ vô dư, dụ ý rất dễ biết, động tức là có, ẩn tức là không, tùy căn cơ thấy bậc Thánh có qua lại mà không có chỗ trụ nên nói là động mà bình đẳng. Xuất u trở xuống giải thích thành, ra không mà vào có, bỏ có vào không, biến hóa quyền nghi lý rất chuẩn xác. Đạo vô danh thí như vầng trăng đầy đặn in trên hư không, chẳng dời đổi ra vào, thường mãi trong lặng, đó là tên gọi. Nhờ ứng mà làm, hiển tích là sanh, bắt vết là diệt, sanh gọi là hữu dư, diệt gọi là vô dư, sanh diệt nhờ ở hiển bật, có không lại do sanh diệt, theo tích mà khởi, chẳng phải giả danh sao?

Như vậy thì tên có không vốn ở vô danh, đạo vô danh ở đâu không tên, có không là tích. Mạt cũng vô danh thật. Bốn cũng theo Tích, thật hiện chẳng từ trên của bốn. Vì thế, Niết-bàn ở vương thì vương, ở tròn thì tròn, ở trời là trời, ở người là người, nhờ trước ở chỗ nao không tên, để chỉ dụng. Đuổi theo khí ứng thân chẳng thể không có năng lực. Vương tròn dụ cho căn cơ khác nhau, ứng trời làm trời, ứng người gọi là người đồng thứ nhiếp sanh không phân biệt hươu, ngựa, cư sĩ, tể quan v.v..., như kinh này đã nêu rõ. Tận cùng có thể làm trời, có thể làm người thì há chẳng phải năng lực của trời người ư? Thật vì chẳng phải trời chẳng phải người nên có thể là trời là người, là quả báo chắc chắn của trời người kia, đâu thể ứng trời ứng người mà hiện thân ư? Chính là do chẳng phải trời người cho nên có thể ứng trời người, có thể mới có dụng, đó là giáo hóa. Ứng mà không làm, nhân mà không thí, vì nhân mà không thí nên không rộng, vì ứng mà không làm nên làm không lớn. Hiện thân gọi là ứng, cảm thì sau đó ứng là Thánh không làm. Hiện thông nói pháp gọi là thí, nhân cơ mà làm đó là bậc Thánh không làm. Bình Thanh, luận Khởi Tín nói về Dụng Đại rằng: Nghĩa đế bậc nhất không có thể đế, lia việc bố thí chỉ theo sự thấy nghe của chúng sanh được lợi ích. Mạt-chi gồm có hai ý, thứ nhất là lớn nhất rộng nhất, như cõi chúng sanh nhất thời đều cảm ứng cũng nhất thời ứng khắp, ứng này rộng lớn lại không lớn đây là thí lệ; hai là tướng vọng rộng lớn cũng nói là Mạt-chi, như ở dưới trình bày, vì chẳng phải lớn nên mới trái lại thành nhỏ, thí không rộng nên mới trở về vô danh. Mạt-chi cũng là vọng ở tướng lớn nhất rộng nhất. Vì vọng ở chỗ lớn nên nói thành nhỏ, chỉ

gỏi nhỏ để bỏ lớn, đầu trụ ở thành nhỏ ư? Vì vọng ở chỗ rộng nên trở về vô danh. Gom ý trước nói rằng đó là nương thể khởi dụng thì dụng hằng thể, lúc chẳng phải dụng thì không có dụng, khi là dụng thì chẳng có tự thể, thể dụng chẳng trụ, chẳng thể không trụ.

Kinh chép: Đạo Bồ-đề không thể suy lường, cao không còn gì trên, rộng không thể cùng cực, sâu mà chẳng thể đo xét mà không thể lường, lớn bao gồm cả trời đất, nhỏ mà vào Vô gián, nên gọi là Đạo. Kinh là kinh Thái Tử Bốn Khởi Thụy Ứng. Vì Bát-nhã chứa đựng kín đáo trong Bồ-đề. Đồ độ là suy lường. Vì sao không có tự thể? Vì cao nên không còn gì trên v.v... nghĩa là cao sâu không có bờ mé để suy lường, vì trên dưới vô cùng nên không có tự thể. Trời đất rất lớn trí lại bao gồm, vô gián rất nhỏ, trí lại vào trong Vô gián, như phân tử cực nhỏ chẳng có khoảng giữa, để chứng thể đại dụng rộng lớn của Niết-bàn.

Như vậy thì đạo Niết-bàn chẳng thể nói có không mà được.

Mà người mê hoặc thấy nhân thân biến gọi là có thấy diệt độ bèn cho là không, cảnh có không là chỗ vọng tưởng, đâu đủ để tăng bốc huyền đạo ư? Mà nói tâm Thánh. Chấp Tích mê Bốn, cũng vùn chạy theo phe nhóm mà mất nguồn gốc. Lại lược nêu Niết-bàn, khiến cho biết có mà ở chánh vị còn bị thừa tên, chấp tích là thật kết quả như hoa đốm trong hư không.

Ý cho rằng Niết-bàn vắng lặng không có triệu chứng ẩn hiển đồng với người. Còn chẳng phải là có, mất chẳng phải không. Niết-bàn là đức pháp thân. Trong chánh vị có không dường như nhỏ bé, cũng chẳng có hình dáng, nên nói là vắng lặng ngoài ra rất dễ biết. Thế nào là lời Phật dạy, ta vô sanh không sanh, tuy sanh mà không sanh, vô hình không hình. Tuy hình mà không có hình vì biết còn chẳng phải thật có. Câu đầu phát ra ánh sáng, tức là văn trong phẩm hai mươi sáu của kinh ấy nói vô hình trở xuống cũng là nghĩa, dẫn kinh Phóng Quang, Niết-bàn v.v... Để biết trở xuống luận đoán, sanh là bốn loài sanh. Vô sanh là bất sanh, giống như nói: Không một chúng sanh nào bất sanh. Hình là hình dáng của muôn loài trong sáu đường, giống như nói: Không một hình nào mà chẳng có hình. Vì sao? Như thai sanh của Thái tử Nhân Nhục v.v... như noãn sanh Nhạn chúa Anh Vũ. Đảnh sanh, thủ sanh, thấp sanh là trời và quỷ hóa sanh. Bốn sanh thuộc về muôn loài, như kinh Niết-bàn phẩm ba mươi ba chép: Đại Bồ-tát thọ thân gấu cho đến thân nai, thỏ, rồng, rắn, v.v... nhưng chỉ vì cảm khởi liền ứng mà chân thật.

Lại chép: Không sanh không hình thì chẳng phải có.

Kinh chép: Bồ-tát nhập vào vô tận Tam-muội đều thấy Chư Phật

thời quá khứ diệt độ. Lại chép: Nhập vào Niết-bàn mà không tương xứng Niết-bàn, vì biết mất chẳng phải là không.

Ban đầu dẫn rộng về Hoa Nghiêm, tức là Trưởng giả An Trụ, thành tựu pháp môn gọi là không diệt độ đã được tam-muội tên là Vô Tận Phật Tánh, đời đấng dịch là Phật Chứng Vô Tận. Tiếng Phạm là Tam-muội Hán dịch là Chánh tư, cũng dịch là chánh thọ. Vô tận là vì Phật tánh vô tận nên nhập vào Tam-muội này thấy Chư Phật ba đời cũng vô tận. Lại trong tông này ba đời hiện lẫn nhau nên ở hiện tại thấy Phật quá khứ vị lai, như kinh có nêu rõ. Sau dẫn nghĩa đồng tức là nghĩa trong phẩm hai mươi một của kinh này, là biết tháp chiên-đàn trở xuống, thắng quan vốn còn. Đức Thích-ca thường còn ở núi Linh Thứu, theo vọng tưởng mà thấy có đến đi.

Mất chẳng phải là không, nên tuy không mà có, còn chẳng phải có nên tuy có mà không, nghĩa là chẳng có, tuy không mà có nghĩa là chẳng phải không.

Theo trước để biết trong hai phi thì chẳng trụ Niết-bàn tích không nên chấp.

Như vậy thì đạo Niết-bàn quả thật vượt ngoài sự có không, bất lối tất của lời nói. bốn pháp đều phi, chân ứng không ràng buộc, có không không trụ lời nói đâu bằng. Giáo sáng như gương, lý chẳng như dây đàn, dù cùng phù hợp nghĩa sáng tỏ như ban ngày, vắng bật trội hẳn, không làm theo hoặc trước.

Tử bèn nói: Bậc Thánh lo rằng có thân nên diệt thân để trở về không, cần cù không gì trước ở nơi có trí. Nên bật trí để rỗng rang, không mới trái với thần cực, thương tổn huyền chỉ. Đây không trả lời ngay câu hỏi trước, để nói danh gia trước nhập vào vô dư. Cho nên nói rằng: Thân là mối lo lớn trí là tạp độ. Ở đây thấy cạn cợt lối lầm rất sâu nên đáp hỏi xong thì đều phá bỏ. Vô nãi trở xuống là trách phi. Thần cực là lý thần diệu tốt cùng. Huyền chỉ là yếu chỉ của kinh sâu xa.

Kinh chép: Pháp thân vô tướng, ứng vật mà hiện thân, Bát-nhã vô tri, đối duyên mà chiếu. Tấn Kinh Tam Thập Hai lược chép: Pháp thân riêng, chẳng phải có chẳng phải không, tùy theo nhu cầu của chúng sanh, đều có thể thị hiện. Hạ đối tức là ý của các bộ Bát-nhã, chẳng có thân mà có hình, chẳng phải tâm mà chiếu, dẫn ý này thì rõ thân tâm còn không nhọc nhằn làm sao khởi.

Muôn cơ chợt đến mà không ngăn thân minh, ngàn khó, khăn khác nhau nhằm vào nhưng không liên quan đến niệm lự của mình, động như mây bay, dừng như cốc thần, đâu có tâm kia đây ư? Tính trói

buộc ở nơi động tĩnh. Bát-nhã là vô tri, bốn câu đầu pháp thuyết muôn cơ đại số. Bát não có hai, một là vì cơ cảm, như nước trong thì trăng hiện; hai là vì vô tư nên như Ma-ni sanh ra. Thiên nan lệ đồng. Hai câu kế dụ nói hữu dư gọi là động như mây bay, vô dư gọi là tĩnh như cốc thần. Cốc thần xuất xứ từ Đạo kinh, kinh ấy chép: Cốc thần bất tử, hai câu sau là nói về vô tâm.

Đã vô tâm trong động tĩnh thì cũng vô tướng ở đến đi, pháp thân là vô tướng. Câu đầu thuộc về trước, câu sau dụ cho thân, vì giải thích văn trước, pháp thân là vô tướng, khí là vô dư, lại là hữu dư. Đến đi chẳng là tướng, nên chẳng có không thì chẳng có hình, động tĩnh không là tâm nên không có cảm thì không có ứng. Nhiếp trước đều nói về thân tâm để thành văn trước, ứng vật mà hiện thân, đối duyên mà chiếu.

Như vậy thì tâm sanh ở có tâm, tướng hiện ở có tướng cơ cảm có thân tâm mà Thánh ứng có thân tâm.

Tượng chẳng phải ta làm ra, vàng đá chảy mà không cháy, tâm chẳng phải là ta sanh nên sử dụng hằng ngày mà bất động, lộn xộn phần nhiều là từ đó, đối với ta là gì? Tượng chẳng phải do bậc Thánh làm ra, tâm chẳng phải Thánh sanh, đã do cơ cảm mà hiện thì thân nầy tâm nầy lo gì, nhọc gì? Nên xuất hiện số chép: Tượng chẳng phải ta có, từ chỗ đây đặng của khỉ kia, tâm chẳng phải ta san, đâu hiện khắp trước sau ư? Kim Thạch trở xuống thì thiên Tiêu Dao của Trang Tử chép: Đại hạn vàng đá chảy, đất núi cháy bỏng mà không nóng v.v...

Cho nên trí đi khắp muôn vật mà không mệt nhọc, hình lấp đầy tám cực mà không tai họa, lợi ích không được đầy đủ mà tổn thất không thể thiếu, tám cực là tận bờ mé của tám phương, tâm vô tâm biết khắp tất cả mà không nhọc nhằn. Thân chẳng phải thân phân ứng tám phương mà không tai họa. Đến đối sai người hầu thăm hỏi thì chỉ nói về lễ nghi, trả lời dùng khinh an xin theo khuôn khổ của đời. Đâu nói rằng trẻ nhỏ bệnh cần sửa bị Lôi cư sĩ quở trách ư?

Hai câu sau vì thân tâm vô vi nên chẳng có sự thêm bớt. Câu đầu đặt hệ từ. Đâu còn con đường trong bệnh nhọt độc, thọ cực song thọ, linh kiệt thiên quan, thể đều đốt cháy ư?

Kinh Tạp A-hàm, v.v... chép: Đức Như lai đến thành Câu-thi-la giữa đường bị bệnh đau lưng nên sai đệ tử xếp y Tăng-già-lê nằm nghỉ dưới gốc cây, v.v... thiên quan tức là kim quan, theo nghi thức an táng vua Thánh luân vương thuở xưa mà làm nên nói là thiên quan. Ý nói rằng: Thân tâm chẳng có tự cảm mà có, chẳng phải thêm mà đây chẳng phải bớt mà bị thiếu, đâu đồng với cái thấy của Tiểu thừa là giữa đường

đau lưng rồi qua đời ở song thọ, linh trí diệt ở thiên quan, Thánh thể ra tro vì đốt cháy ư? Mà người mê hoặc đối với cảnh thấy nghe tìm dấu vết ứng khác, chấp lấy khuôn phép để xác định phương trời rộng lớn, muốn dùng trí lao nhọc Niết-bàn, hình tai họa Đại Thánh. Nghĩa là bỏ có vào không, vì để gọi, đâu thể nói tìm lời mâu nhiệm ở sự tiếp thu bên ngoài, chiếm được huyền căn ở chỗ hư hoại ư? Hai câu đầu là pháp thuyết, hai câu kế là dụ minh. Phương là quy, viên là cũ, thọ mộc ngày nay đã sử dụng dấu thước. Ý nói rằng: Tùy theo sự thấy nghe, chấp tích thù ứng muốn tìm chỗ mâu nhiệm của vô danh, như tay người cầm dấu thước định lượng đại phương, không biết chừng độ của nó. Nên kinh này gọi là Hai thừa khúc kiến. Từ đục trở xuống chính là nói về sự lầm chấp, từ khởi trở xuống trách cứ trí thấp kém của họ. Ngôn là danh ngôn, nghĩa là tên hữu vô ứng quyền mà lập bày, chẳng có tánh thật thể, danh phi danh, nên nói là vi ngôn, hiểu ý quên tên nên nói là thính biểu. Huyền căn dụ cho Niết-bàn vì sanh ra điều thiện thể xuất thế, sự tướng vốn không nên nói là hư hoại. Ý nói rằng: Hai thứ có và không, danh tướng cả hai đều rỗng không, Niết-bàn vô tướng vô danh hiển hiện, nghĩa là phân biệt.

Trưng xuất thứ tư, hai của chín chiết, trưng là trách. Chương trước chép: Đạo Niết-bàn thật vượt ngoài cảnh có không. Trưng ý chép: Hai pháp có và không bao gồm tất cả vì sao ngoài có không lại có thể của Niết-bàn riêng. Nay nói rõ chứng minh, gồm nêu thuyết có không của Nho là Lão, còn dẫn hai thuyết có không của Tiểu thừa làm ví dụ để chứng minh. Dưới vượt trong cảnh đều vượt ngoài có không này. Hữu danh nói: Phạm lẫn lộn căn bản phân tích tạp phần muôn hữu có thì có chẳng được chẳng không, chẳng thể không tự vô phải nhờ ở có. Cho nên cao thấp nương nhau, có và không sanh lẫn nhau, đây là tự nhiên, thường cuối cùng ở đó. Hỗn nghĩa là hỗn độn, nguồn là nguồn gốc, phẩu phán nghĩa là chia chẻ, muôn hữu tức là muôn vật, các sách vở thế gian nói nhiều, nguyên khí rộng lớn mênh mông mà bị hỗn độn, hình dáng như con gà, từ nay trở đi thanh khí lên cao vòm trời làm trời, khí trước xuống thấp lan tràn làm đất, tức là lẫn lộn nguồn gốc chia chẻ cũng là một sanh hai. Khi Bàn cổ sanh một muôn tám ngàn tuổi v.v... là hai sanh ba, sau khi Bàn cổ chết hình phân triệu vật, muôn vật mọc um tùm, là ba sanh muôn vật. Nay ý lẫn lộn nguồn gốc đã thuộc về không trước, một hơi thở vừa nẩy mầm liền vào cảnh có, là không mà sanh có. Hai câu kế nói có không thành tựu lẫn nhau, nên ở dưới dẫn họ Lão để kết, đều nói nhờ nhau mà có, đây là hiểu biết định số ấy, chẳng nhờ sai khiến nên

nói là tự nhiên.

Lấy đây mà quán sở dục của hóa mẫu lý không sâu cạn, rộng lớn nguy hiểm quá lạ không chẳng phải có, có hóa thành không, không chẳng phải không. Như vậy thì cảnh có không, lý thống nhất. Hóa mẫu là đạo, cũng là khí, lý không trở xuống y cứ vào lý mà suy, bất luận là trong hai đường cạn sâu. Vật có rộng mà lớn, nguy mà lạ, quất mà lừa dối, quá mà yêu quá. Xấu đẹp nhiều đầu mối, lớn nhỏ muôn hình dáng, không chẳng phải có, đã nhờ không mà có, phải từ có mà không, muôn hình muôn trạng đều rơi vào chỗ không. Như vậy thì về sau chính là nói liên quan khắp. Một câu khôi nguy, dùng văn của Trang Tử, Nho lão trở lên đều dùng này, vì sao Yên Vương giúp đỡ các Nho gia đều có nói rõ. Nghĩa là giải thích rõ, sư ở chỗ thông các sách, nên nay luận chủ tạm hỏi để dứt bỏ.

Kinh chép: Hai pháp có không bao gồm tất cả pháp, lại gọi ba vô vi là hư không, số duyên tận, phi số duyên tận. Số gọi là tuệ số, duyên tức là tuệ, tận là diệt đế, nghĩa là tuệ vô lậu dứt trừ các phiền não, chứng lý diệt đế, đời Đường dịch là Trạch diệt vô vi. Phi số duyên tận là các pháp duyên là tự diệt, đối với ba pháp này chọn pháp thứ hai làm Niết-bàn Tiểu thừa pháp thứ ba đồng với Nho Lão ở trước. Từ có vào không để nói có không gồm pháp thế và xuất thế, vì vô dư tức là pháp xuất thế.

Nhưng luận chép: Ngoài có không có diệu đạo riêng, diệu ở có không gọi là Niết-bàn, xin xét kỹ bản thể của diệu đạo thật như có. Tuy diệu chẳng phải không, liền nhập vào cảnh có quả như không, không tức là không sai, không mà không sai liền nhập vào cảnh không, tóm lại giữ gìn gần mà nghiên cứu chẳng có khác có mà chẳng phải không. Chẳng có khác không mà chẳng phải có thì rõ.

Bốn câu đầu dẫn văn trái trước, xin xét trong câu hỏi. Ý nói thể của đạo mẫu rốt cùng có, thể tuy mẫu nhiệm nhưng chẳng thể nói là không, liền nhập vào cảnh có, dưới không thí dụ đồng thâm tóm mà dưới nói lên sự tiếp nhận. Ý nói rằng diệu vốn chẳng thật có, chẳng phải không thì chẳng có tức là không, chẳng không tức là có, không hề thấy một pháp khác ngoài có mà chẳng là không, câu dưới là lệ thuyết.

Nhưng nói rằng: Ngoài có không có diệu đạo riêng chẳng có, chẳng không là Niết-bàn, tôi nghe lời ấy nhưng, gần ở tâm, tai tuy nghe lời ấy nhưng tâm chưa ngộ lý ấy, tôi nghe lời ấy rồi nói về ngữ văn.

Siêu cảnh thứ năm là ba trong mười diển. Siêu là vượt. Cảnh tức là cảnh sáu trần có không. Trong trưng muốn dùng có không gồm thâm

Niết-bàn. Trong Diển chỉ cảnh của hai pháp tục đế, Niết-bàn chân đế đặc biệt vượt qua để phá kiến chấp có không của tông ngoài.

Vô Danh nói: Số có không, thật chẳng có pháp nào không bao gồm, lý chẳng thể không thống nhất, nhưng chỉ thống nhất tục đế mà thôi. Có không tuy rộng thâm tất cả nhưng không thu được chân đế.

Kinh chép: Chân đế là gì? Là đạo Niết-bàn. Tục đế là gì? Là pháp có không. Nghĩa dẫn từ Đại Phẩm. Phẩm Đạo Thọ chép: Bồ-tát dùng thế đế chỉ bày chúng sanh hoặc có hoặc không, không dùng nghĩa đế bậc nhất. Hỏi dùng thuộc thể thay đổi của hai đế, nhưng kinh Nhân Vương cũng lấy có không làm tục đế.

Sao là có thì có ở không, không thì không ở có? Vì có không nên gọi là Có, chẳng có nên gọi là Không. Như vậy thì có sanh đối với không, không sanh đối với có, lia có thì chẳng có Không, lia không thì chẳng có Có, có không sanh nhau, giống như cao thấp dựa vào nhau, có cao thì có thấp, có thấp thì có cao. Hai câu đầu nói về tướng nhân của hai pháp, vì có ở không cho nên là có, câu dưới ví dụ, hai câu sau nhờ phần trước để sanh hai tên gọi. Như vậy thì dưới thuận nói hai tướng đối đãi mà thành.

Lìa có trở xuống trái lại nói lên không đối đãi đều sai, có không sanh nhau trở xuống dẫn theo chủng thứ. Chẳng những có không đối đãi nhau mà cao thấp, phải trái, trước sau v.v... cũng đều như vậy.

Như vậy thì có không tuy khác nhưng đều không tránh khỏi có. Đây là lý do dấy lên của lời nói, lý do sanh khởi của phải trái, đâu đâu để hệ thống u cực ấy mà xét định thân đạo ấy ư?

Hai câu đầu trong khi đối với có không mới là không, hoặc hai pháp đối đãi nhau nhân có sanh không đều là duyên có. Đây chính là tùy theo có không mà khởi lời nói, dựa vào lời nói mà khởi lên đúng sai, đâu đáng để hỏi về đạo u thân thân diệu ư?

Vì thế luận nói vượt ngoài có không, dù số có không chỉ đối với sáu cảnh, trong sáu cảnh chẳng phải chỗ ở của Niết-bàn nên mượn xuất để dứt bỏ. Câu đầu nhắc lại văn kết trong vị thể trước. Sáu cảnh là, xưa dịch sáu trần là sáu cảnh đều là sự hình của duyên sanh. Triệu nhập có duyên, tán nhập không, đâu phải là chỗ ở của Niết-bàn ư? Nên giả mượn lời nói xuất để nói lên cao tối. Nhiều hạng mong đạo, phảng phất đường tối gợi lòng vùng hẻo lánh, được ý quên lời thể chẳng có chẳng không, đâu nói rằng ngoài có không có một có riêng để gọi ư? Phảng phất là tương tự so sánh. Như nói lần theo pháp huyền đạo mà ngộ. Thế nào là Pháp? Một là bật tướng, hai là quên lời, chẳng thể

vâng theo lời có không mà cách huyền ngộ, thể chỉ có thể cứu chẳng có chẳng không, không sanh tri giác, tự hợp với huyền. Nếu chấp ngoài có không có Niết-bàn riêng, lại nhập vào cảnh có, thì đâu thể vượt ra?

Kinh chép: Ba vô vi là phiền nhiễu của chúng sanh, sanh ở đốc hoạn, sự sai trái của đốc hoạn không gì bằng hữu, xứng bất hữu không gì bằng vô, nên dùng không để nói chẳng có, không có, phi tức là không. Kinh là kinh Nhân Vương do ngài La-thập dịch.

Phân nhiễu là phiền não, cũng gọi là Nghiệp. Đốc hoạn là sanh tử. Hữu là ham hữu, vì hữu là hữu lậu. Bất hữu trở xuống là muốn nêu ra hữu vi, là vô vi bậc nhất, ý này Phật nói là vô vi khiến cho chúng sanh dứt lỗi hữu vi. Vậy dùng vô trở xuống chỉ giả mượn tên vô vi để dẫn vật có khiến ngộ chẳng thật có. Nên kinh Phóng Quang chép: Nếu chẳng có hữu vi cũng chẳng có vô vi v.v..., phi là chẳng có là đoạn vô của vô, e rằng phái Nho Lão chấp có không nhiếp rộng tất cả, nghĩa là Niết-bàn cũng không thu nhiếp. Khúc dẫn hữu vi vô vi của kinh Phật, cho là thứ ví dụ. Niết-bàn đã là vô vi thì cũng hợp với vô nhiếp, vì hợp với vô nhiếp nên đặt câu hỏi này để chọn. Một là chọn Niết-bàn chẳng có vô nhiếp; hai là chọn vô của vô vi chẳng phải sở chấp vô hữu vô của hai nhà.

Tâm huyền thứ sáu, ba là trong chín chiết, cũng nương vào trước mà khởi, thấp nhất rất dễ biết.

Hữu danh nói rằng: “Luận chỉ chép: “Niết-bàn đã không ngoài có không lại không đối với có không”.”

Câu đầu nói phần trước, đầu nói ngoài có không v.v... ư? Câu kế nói phần trước do có không v.v...

Chẳng ở trong có không thì chẳng thể đối với có không mà được. Chẳng ra ngoài có không thì chẳng thể lìa có không mà tìm cầu. Tìm chẳng có chỗ liên phải ứng đều không. Hai chỗ chẳng được thì phải tìm chỗ không, rốt cuộc chẳng có tự thể luống nói làm gì?

Nhưng đạo lại không phải không, đạo ấy chẳng phải không thì đường tới có thể tìm, cho nên ngàn Thánh đồng vết chưa hề uống phí trở về. Câu đầu nói về thể của huyền chẳng dứt cho nên ngàn Thánh cùng về phải có lý thật.

Đạo ấy đã còn mà nói không ra không ở, sẽ có nghĩa khác, sẽ được nghe chẳng?

Nếu đoạn có thể nói không ở không ra, đã còn vì sao đều lìa?

Khéo tồn tại thứ bảy là bốn trong mười diễn.

Không ra không ở gọi là diệu, thể chẳng đoạn dứt gọi là tồn, cũng

nói lên chỗ sâu xa vô trụ.

Vô Danh nói: Hễ nói năng là do danh khởi danh vì tướng mà sanh, tướng là khả tướng, không tướng nên không danh, không danh nên không nói, không nói nên không nghe. Ba câu đầu nêu vọng, ba câu sau bày chân. Khả tướng là tướng do tâm khởi tâm đối với tướng ẩn khả phân biệt nên nói là khả tướng, như nói tướng do tâm hiện.

Kinh chép: Niết-bàn là phi pháp chẳng phải phi, pháp. Không nghe không nói chẳng phải chỗ tâm biết được.

Kinh này quyển hai mươi mốt chép: Nói lược Niết-bàn chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng, chẳng phải vật chẳng phải chẳng phải vật v.v... vô văn vô vị v.v..., cũng là văn của Tịnh Danh. Lý sự thiện ác v.v... đều gọi là Pháp. Nay thuận theo ý luận, lại lấy có không làm pháp, phi pháp chẳng có ở trong, chẳng phải phi pháp thì chẳng ra ngoài. Không ra vào không nói, không nói thì không nghe, không nghe thì không biết. Tôi đâu dám nói mà ông muốn nghe. Đây do danh gia chấp tên vào mà phân tích sự mâu nhiệm chẳng ra chẳng vào, nguyện ưa muốn nghe. Nên đối với mâu nhiệm trả lời trước là nêu diệu thể để bỏ tướng nghe làm cho quên tên mà hiểu ý.

Tuy nhiên Thiện Cát nói chúng sanh nếu dùng vô tâm mà thọ, không nghe mà nghe thì tôi sẽ dùng vô ngôn mà nói cho họ nghe, ngộ hầu nói lại lời ấy, cũng có thể nói được. Nghĩa dẫn ý của Đại Phẩm ngài Tu-bồ-đề bảo Thích Đề Hoàn Nhân và các Thiên tử, chẳng phải chánh văn. Sự như trước đã dẫn ra. Tôi dùng luận để xét lại kinh. Luận chủ dẫn dụng thật có nhiều phương thức, hoặc dẫn chánh văn, hoặc chọn nghĩa mà dẫn, hoặc xuất xứ từ tên kinh, hoặc nêu chung, hoặc chỉ dẫn tên người trong kinh, hoặc nhóm họp văn chữ trên dưới, hoặc nhóm họp hai kinh mà dẫn, hoặc lược nêu hoặc nêu rõ, hoặc cẩn thận nêu ra kiến giải của mình.

Tịnh Danh nói: Không lìa phiền não mà được Niết-bàn. Thiên Nữ nói: Không ra khỏi cõi ma mà vào cõi Phật. Phẩm Đệ Tử trong kinh Tịnh Danh chép: Không dứt phiền não mà vào Niết-bàn. Thiên Nữ trở xuống tức là kinh Bảo Nữ Sở Vấn quyển bốn. Bảo Nữ nói kệ đáp lời Xá-lợi-phất rằng: Như cảnh giới ma, cảnh giới Phật thì bình đẳng tương ưng thành một thứ, dùng ấn ấy mà kiến ấn.

Như vậy thì huyền đạo ở diệu ngộ, diệu ngộ ở tức chân, tức chân thì có không đều quán, đều quán thì kia đã không hai. Câu đầu đối với đạo quý ngộ, làm sao để ngộ? Vì ngay vọng chính là chân. Như ở trước nói: Không lìa phiền não mà được Niết-bàn v.v...

Câu kệ đã không lia duyên mà tức chân, khi quán sắc chẳng thể chẳng thấy không, khi quán không chẳng thể chẳng thấy sắc, nên nói đều quán, kia đích thân nhìn tâm cảnh, tâm cảnh như một nên nói chẳng hai.

Cho nên trời đất cùng căn với ta, muôn vật một thể với ta, trời đất muôn vật đều là cảnh, đã nói là đồng căn một thể thì vốn không hai, vẫn giống văn của Trang Tử.

Giống ta thì chẳng còn có không, khác ta thì trái với hội thông. Giống ta là tâm cảnh chẳng khác, lý sự cũng ngầm giống nhau. Chẳng còn có không là sự có không lẫn lộn hết cả. Khác ta thì tâm cảnh, sự lý cả hai đều khác, chẳng thể hội chứng minh là đồng. Rõ ràng hai câu nay chỉ giống chỉ khác đều sai, vừa giống vừa khác mới lia các lỗi, ra ngoài cả hai thì thành. Vì sao? Vì khác nên sự lý trái nhau cho nên chẳng ở trong. Nay nếu chỉ giống chẳng còn có không thì chẳng ở trong, nghĩa không thành. Vì giống nên sự lý tức nhau cho nên chẳng ra ngoài, nay nếu chỉ khác thì trái với hội, thông, không ra ngoài nghĩa ấy không thành, vì Niết-bàn là lý, có không thuộc về sự, nên nhiếp nhau đều có hai lỗi nên biết.

Cho nên, chẳng ra chẳng vào mà đạo tồn tại đối với ấy.

Thế nào là Niết-bàn rộng tâm thâm chiếu lý chẳng thể không thống nhất, ôm cả sáu hợp đối với lòng mà linh giám hữu dư, gương muôn hữu có trong tâm trí, mà thần ấy thường rỗng rang. Hai câu đầu nói lược một trí đều rỗng lặng. Hai câu kệ chỉ bày chánh trí chiếu lý. bốn phương và phương trên phương dưới gọi là sáu hợp. Hai câu sau chỉ bày hậu trí thông sự. Cảnh muôn trở xuống nghĩa là muôn hữu đối với tâm trí mà không suy nghĩ. Nên nói rằng thường rỗng rang, ở đây nói trí huyền trở xuống là nói về chứng diệu.

Cuối cùng có thể bỏ huyền căn ở vị trí, ngay các động để tĩnh tâm, thanh đạm sâu xa lặng lẽ, khéo khéo tự nhiên. Chí năng trở xuống dựa vào trước để nói. Huyền căn dụ cho chân, bạt dụ cho chứng. Vị trí có hai ý, một là chưa giống không vì lý vô trí nên trí mới hợp thời chẳng chiếu có nay; hai là trí tuy cùng cực nhưng chân chưa hẳn soi chiếu nên như trước nói rằng tâm rỗng rang v.v... Quân động là thế tục. Vì khi quyền ứng ban đầu không ứng tướng nên nói là tĩnh tâm. Hai câu sau như thứ lớp thành tựu hai trí vô tướng ở trên. Tự nhiên là cảm rồi mới ứng, không thêm công lực.

Luận Khởi Tín chép: Tự nhiên mà có nghiệp không thể nghĩ bàn, có thể hiện khắp mười phương làm lợi ích chúng sanh.

Cho nên ở chỗ có chẳng phải có, ở chỗ không cũng chẳng phải không, vì ở chỗ không chẳng phải không nên chẳng có không ở chỗ không. Vì ở chỗ có không phải có nên chẳng có ở nơi có, nên có thể chẳng ngoài có không mà chẳng ở trong có không, vì thế trở xuống nói lược hai chữ chỉ nhân (Niết-bàn). Hai câu đầu dựa vào trước giải thích thành, đối với có, không nói là chẳng ngoài, chẳng có không chẳng nói không đối với. bốn câu kế nhiếp trước đều nêu không trụ. Cố năng trở xuống kết thành.

Như vậy thì pháp chẳng có tướng có không, bậc Thánh chẳng có biết có không, Thánh chẳng có biết có không thì vô tâm đối với pháp, chẳng có tướng có không thì vô số (tướng) ở bên ngoài, ở ngoài vô số đối với vô tâm, đây kia vắng lặng, vật và tâm ta hợp một. Sợ ông không thấy mới nói Niết-bàn. Niết-bàn như dứt bật sự suy nghĩ này. Hai câu đầu nói lên tâm cảnh vô tướng. bốn câu kế nói tâm cảnh đều mất. Bốn câu kế nói tâm cảnh hợp một. Phạ-nhĩ trở xuống kết lìa tâm suy nghĩ. Đồ độ là suy nghĩ.

Đâu được trách nó đối với có không, lại có thể chứng minh nó ở ngoài có không ư?

Nạn sai thứ tám, bốn trong chín chiết. Ở đây cũng dựa vào sự mâu nhiệm của tâm cảnh không hai ở trước để vặn hỏi sự tu chứng khác nhau của ba thừa.

Hữu Danh chép: Niết-bàn đã dứt bật sự suy nghĩ thì vượt ngoài sáu cảnh, không ra không vào mà huyền đạo vẫn còn, đây là lý cùng tánh tận, đạo mâu nhiệm rốt ráo hoàn toàn chẳng khác, lý là như thế. Nói chung lý trước, lời lý cùng tánh tận xuất xứ từ sách của Chu Dịch. Kia nói rằng: Lý cùng tánh tận cho tới ở nơi mệnh, lý ấy như vậy là hứa khả lý ấy.

Kinh Phóng Quang chép: Đạo ba thừa nói đều nhờ vô vi mà có khác nhau. Tức là vẫn trong phẩm hai mươi bốn cũng có chút ít khác nhau nghĩa thì chẳng khác. Kim cương cũng chép: Tất cả pháp của Hiền Thánh đều là nhân v.v...

Phật dạy: “Thử xưa ta làm Bồ-tát tên Nho Đồng ở chỗ Phật Nhiên Đăng đã nhập Niết-bàn, khi Bồ-tát Nho Đồng đối với thất trụ được Vô sanh nhẫn, tiến tu ba vị”. Duyên khởi như Bồn Hạnh đã nói, ý rõ ràng khi Nho Đồng ở thất trụ dựa vào vô sanh nhẫn thấu lý vô sanh, gọi là nhập Niết-bàn, ý phân tích vì đã được Niết-bàn nghĩa là rốt ráo vô tu vì sao còn tu ba Trụ sau? Xưa dịch là Thập địa cũng dịch là Thập trụ.

Nếu Niết-bàn là một thì không nên có ba, nếu có ba thì không rốt

ráo, đạo rốt ráo mà có lên xuống khác nhau, các kinh khác nói lầy gì thủ trung. bốn câu đầu vặn hỏi ba thừa có khác nhau vì ba và một trái nhau nên chẳng rốt ráo, thì thuộc về vô thường. Hai câu kế nhiếp trước để vặn hỏi ba vị khác nhau là lên xuống cao thấp. Trung nghĩa là chiết trung cũng là chánh.

Phân biệt khác nhau thứ chín là năm trong mười điển. Biện là phân biệt.

Vô Danh chép: Nhưng đạo lý rốt ráo không khác nhau. Lý không hai, thật cho nên rốt ráo.

Kinh Pháp Hoa chép: Đạo lớn bậc nhất không có hai chánh, ta cho phương tiện là chẻn mảng, đối với đạo Nhất thừa chia ra nói thành ba, ba thứ xe ra khỏi nhà lửa, tức là việc ấy. Cũng là nghĩa dẫn văn trước sau của Pháp Hoa, phẩm Thiệu Quyển trong kinh Chánh Pháp Hoa chép: Là nơi vắng lặng của đạo Nhất thừa không có hai thừa trên. Phẩm Hóa Thành trong Diệu Pháp chép: Phật vì người cầu đạo giữa đường mà lười bỏ, vì ý dừng nghĩ nên dùng năng lực phương tiện đối với đạo Nhất thừa chia ra nói thành ba. Lười bỏ cũng là chẻn mảng, nhà lửa nên biết.

Vì đều ra khỏi sanh tử nên đồng gọi là vô vi, vì sở thừa chẳng phải một nên có ba tên, gom lại quy về một mà thôi, ba thừa gọi là khác tránh được lỗi giống ấy. Sở thừa trở xuống chung cả lý giáo hạnh quả. Nay lược y cứ vào giáo hạnh để giải thích. Giáo là dựa vào Nhất thừa phiên nào nói thành ba, tức là để duyên độ. Hạnh là ba thừa ba hạnh, Đại thừa và Tiểu thừa không thống nhất. Thống kỳ trở xuống ý nói là người năng thừa theo pháp sở thừa, không thống nhất nên có ba tên, trở về lý chỉ là một không hai.

Mà có vặn hỏi rằng: Đạo ba thừa đều do vô vi mà có khác nhau. Ở đây dùng nhân ba, ba ở vô vi, chẳng phải vô vi có ba. bốn câu đầu nói về vặn hỏi. Thử dĩ trở xuống nêu lý, ba khác nhau đối với cơ không ở lý.

Nên kinh Phóng Quang chép: Niết-bàn có khác chăng?

Đáp: Không khác, chỉ Như lai kết tập đều hết, Thanh văn kết tập chưa hết, tức là văn trong quyển hai mươi bốn của kinh ấy chép là chỉ có Đức Như lai các kết tập đều dứt hết còn Thanh văn thì chưa dứt hết. Tức là hạt giống tập khí của hai chướng. Ở đây y cứ vào sự dứt hoặc cạn sâu của ba thừa để chia ra ba thừa khác nhau chớ chẳng phải Niết-bàn có ba.

Xin lấy dụ gần dùng tình huống xa để chỉ. Như người chặt cây, bỏ

thước hay không thước, bỏ tác hay không tác, sửa thiếu sót ở thước tác, chẳng ở nơi không. Đã thấy bên là gần, chưa thấy bên là xa. Nhân dụ cho ba thừa, chặt dụ cho trí đoạn, cây dụ cho chủng hiện, vô dụ cho vô vi, thước tác dụ cho sự dứt hoặc nhiều ít của ba thừa, lấy dụ để lượng pháp có thể thấy rõ ràng.

Chúng sanh muôn mối căn thức khác nhau gương trí có cạn sâu, đức hạnh có dày mỏng.

Câu đầu chỉ chung câu kế nói thức là thức tâm tức, là ưa muốn khác nhau như thích Đại thừa, thích Tiểu thừa. Căn là căn tánh tức là chủng tánh khác nhau, là đại cơ, tiểu cơ.

Câu kế Đại thừa song chiếu hai không gọi là sâu. Tiểu thừa chỉ thấy Nhân không gọi là cạn. Đức hạnh trở xuống là hạnh tự lợi gọi là mỏng. Hai hạnh song hành gọi là dày. Cũng có thể hạnh để duyên gọi là mỏng, sáu độ muôn hạnh gọi là dày. Cho nên đều đến bờ kia, mà lên xuống khác nhau, bờ kia đâu có khác ư? Khác là tự mình thôi, vì căn thức khác nhau cho nên đều đến bờ kia, mà cao thấp không giống nhau. Dụ lấy sanh tử làm bờ kia, phiền não làm trung lưu, Niết-bàn làm bờ kia, bờ kia chỉ hoàn toàn là lực, vì bất đồng nên thành khác.

Như vậy thì các kinh đặc biệt phân tích sự tinh vi ấy không khác nhau. Vì trước nói rằng các kinh khác thuyết lấy gì làm trung? Nay dẫn Pháp Hoa nói ba thừa cùng một nơi, ba tuy khác nhau nhưng chỉ đạo chỉ có một, ba vị lệ cũng như giống vậy.

Trách dị thứ mười, năm trong chín chiết, lý sở chứng đã một, vì sao người chứng ba thừa khác nhau? Đây cũng thuộc về trước mà hỏi, vẫn dưới tự đầy đủ.

Hữu Danh chép: Đều ra khỏi nhà lửa thì không tai họa, cùng ra khỏi sanh tử thì là vô vi. Nhưng nói rằng: bờ kia chẳng khác, khác tự ở ta. Bờ kia là bờ vô vi. Ta là thể (chứng) vô vi. Câu đầu thí dụ, câu kế pháp tránh khỏi tai họa hoàn toàn giống, vô vi nhất định mà nói rằng trở xuống là nêu trái vắn trước. Bờ kia trở xuống là y cứ vào pháp và nhân. Trước định lý ấy rồi sau vặn hỏi v.v...

Xin hỏi ta và vô vi là một hay khác?

Nếu ta tức là vô vi thì vô vi tức là ta, không được nói vô vi, chẳng khác, khác là tự ở ta.

Nếu ta khác vô vi thì ta chẳng phải vô vi, vô vi tự vô vi, ta tự thường hữu vi. Thâm hội tinh vi lại dính mắc mà không thông suốt.

Hai câu đầu đều xét. Nếu ta trở xuống là nêu lỗi thứ nhất, nói tướng nhân pháp thì hoàn toàn là tướng nhân pháp tức là nhân ba pháp

ba, vì sao pháp một?

Lại nếu ta trở xuống là nêu lỗi thứ hai, nói cả hai nhân pháp đều khác, vô vi, hữu vi đều phân biệt hữu vi ba thừa lẽ ra không thăm hội với lý vô vi vì sao nói ba thừa thăm hội?

Như vậy thì ngã và vô vi một cũng không ba, khác cũng không ba, tên ba thừa do đâu mà có, lấy nhân từ pháp, pháp một nhân một, khác thì không chứng ở đâu có ba?

Hội dị thứ mười một, sáu trong mười điển.

Hội nghĩa là hội thông, đoạn văn dưới tự rõ.

Vô Danh chép: Hễ dừng đây thì ở đây, đến kia thì ở kia, cho nên đồng với được thì được cũng được, đồng với mất thì mất cũng mất, đây thấy bờ này, kia thấy bờ kia, như nói ở bờ sanh tử thì đồng với mối họa sanh tử. Vô vi lệ giống như vậy. Cho nên trở xuống là dựa vào trước đã nói, văn phỏng theo họ Lão, đồng với được trở xuống giải thích phần trước đến chỗ kia thì là kia. Đặc nghĩa là chứng đặc rõ ràng chung năng sở, khi người năng đặc đồng với lý sở đặc, lý cũng giống với người năng đặc. Như ở dưới chép: Ngã tức là vô vi, vô vi tức là ngã. Đồng với mất trở xuống trước giải thích, dừng đây thì ở đây, năng sở không đặc nhau, trái lại trước rất dễ biết.

Ngã đến vô vi thì ngã chính là vô vi, vô vi tuy một đâu trái với bất nhất?

Khi người chứng pháp, nhân pháp phải tức nhau cho nên cũng là ba, lý tuy một vị nhưng chứng có cạn sâu, đối với pháp lược nêu, dưới vì dụ và trong hợp đủ rõ. Thí như ba con chim thoát ra khỏi lưới cùng bay đến chỗ yên ổn, chỗ an ổn tuy giống nhau nhưng các con chim đều khác, không thể vì chim đều khác mà nói nơi an ổn cũng khác. Lại không thể vì an ổn đều là một mà một ở bầy chim. Như vậy thì chim tức là an ổn, an ổn tức là chim, an ổn đâu khác nhau? Khác là tự ở chim thôi. Bốn câu đầu nêu về dụ thể, ba chim là nêu bậc đại, trung, tiểu. Đối với lưới là tai họa, khi ra khỏi lưới xa gần tuy khác nhưng đều là chỗ an ổn, để dụ ba thừa dứt hoặc ra khỏi ba cõi. Không thể trở xuống tai họa của chim hướng về nhau trái lại trách một và khác. Như vậy thì trở xuống giải thích thành tức nhau, lại không ngăn ngừa khác của chim. Tốt thay, dụ này nghi gì không bỏ.

Chúng sanh ba thừa như thế đều vượt qua lưới vọng tưởng, đồng đến cảnh vô vi, vô vi tuy giống mà mỗi thừa đều khác, không thể vì mỗi thừa đều khác mà nói vô vi cũng khác. Lại không thể cho vô vi là một mà một ở ba thừa. Như vậy thì ngã tức là vô vi, vô vi tức là ngã, vô

vi há khác ư? Khác là tự ở ngã thôi. Ba thừa gọi là chúng sanh thì các uẩn chưa chuyển, hai tử vẫn còn, tâm tương tục còn sanh, thức hòa hợp chưa phá, bậc Đẳng giác đã hàng phục được đều có tên này. Cũng bốn câu trước nói nhân chứng pháp. Không thể trở xuống bốn câu là dùng nhân hội lý, hội ở cạn sâu, nhân có thể nói là khác, lý khác gì? Cũng chẳng thể nói vì lý là một, không được chứng có cạn sâu khác nhau. Vì sao nói một cũng không ba ư? Như vậy thì trở xuống kết thành tức nhau, lý thì vốn một mà chứng thì có ba, mỗi câu hợp với trước không chỉ lại rườm rà.

Cho nên an ổn tuy giống nhưng bay lên không có xa gần, vô vi tuy một mà u giám có cạn sâu, dựa vào pháp dụ trước để đáp về khác cũng chẳng có ba. Hai câu đầu dụ minh, hai câu sau là pháp thuyết. Trước nêu ba chim tuy khác, tránh lỗi thì giống, tránh thì hợp nhau không trở ngại nhân khác để nói một cũng có ba. Ở đây nêu tránh tai họa tuy giống nhưng xa gần có khác, để nói khác cũng có ba, nhưng khác ở xa gần không ở nơi pháp u giám là trí ba thừa.

Vô vi tức là thừa, thừa tức là vô vi, đây chẳng phải ngã khác vô vi vì chưa tận vô vi nên có ba.

Hai câu đầu nói hợp nhau chẳng khác. Từ đây chẳng phải trở xuống vì hợp nhau nên chẳng khác, vì chẳng khác nên thâm hội, ai bảo rằng khác ấy mà trái với mình hội ư? Vì chưa cùng tận nên có ba, ai nói rằng khác cũng không có ba? Mạt máu ngầm chảy, hãy cẩn thận nêu ra giải thích.

Cật tiệm thứ mười hai, sáu trong chín chiết. Cật là vặn hỏi. Vì trước chưa cùng tận nên có ba vì tiệm nghĩa ấy nên nay vặn hỏi.

Hữu Danh chép: Muôn lụy tăng thêm rõ ràng vốn ở vọng tưởng, vọng tưởng đã dứt thì muôn lụy đều dứt. Hai thừa đặc tận trí, Bồ-tát đặc trí vô sanh, khi ấy vọng tưởng đều hết, kiết phược dứt hẳn, thô hoặc nhánh nhóc rất nhiều gọi là muôn lụy càng tăng. Chương là rõ ràng. Vọng tưởng tức là vô minh tế hoặc căn bản. Ý nói rằng: Nhánh nhóc tuy nhiều nhưng bốn hoặc chỉ có một, chỉ cần dứt bốn hoặc thì mạt hoặc liền dứt, lý sẽ liền chứng. Tận trí trở xuống, Đại Phẩm chép: Người ba thừa gồm có mười một trí, trí thứ chín gọi là tận trí, nghĩa là khổ đã thấy hết v.v... trí thứ mười gọi là trí vô sanh, nghĩa là khổ đã thấy mà không còn thấy nữa v.v... Vậy mười trí trước Thanh văn đều có, tận trí ở địa vị đã phân biệt được. Nay nói Bồ-tát đặc trí vô sanh là hai địa như Bồ-tát địa thứ chín trở lên và A-bệ-bạt-trí. Như thật biết các pháp vốn tự không sanh nay cũng không diệt gọi là trí vô sanh, không chung với Hai

thừa. Ý cho là trí khởi, hoặc mất lý liền hiển hiện, như Đại Phẩm Phóng Quang và Trí Luận phẩm hai mươi ba có nói.

Kiết phược đã dứt thì tâm vô vi, tâm đã vô vi thì lý trong suốt.

Câu đầu nhiếp trước, câu kế nói vì chứng, hai câu sau hoặc hết, lý như gương sáng, hoặc như bụi trần, vọng hoặc đã hết lý liền trong sáng.

Kinh chép: Các bậc Thánh trí chẳng trái nhau, không ra không vào, thật ra đều rỗng không. Lại chép: đại đạo Vô vi bình đẳng không hai. Kinh Phóng Quang quyển hai lược chép rằng: Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật Thế tôn là các bậc Thánh trí không trái nhau. Cho đến chép rằng: Không ra không vào thật ra rỗng không thì chẳng có khác nhau, rất giống với Đại Phẩm. Nay nói chữ tại phải là chữ sanh là truyền sai.

Trí Luận quyển bốn mươi ba giải thích rằng: Vì bên cạnh không khởi gọi là bất xuất, do bên không khởi gọi là bất sanh. Lại chép... cũng dẫn nghĩa Đại Phẩm v.v... như phẩm ba tuệ chép ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Đối với pháp vô vi có được chăng?

Phật dạy: Không được v.v...

Đã nói là không hai thì chẳng cho tâm khác, chẳng thể chứng thì thôi, thể phải cùng tột mà nói thể chưa tận là chỗ chưa ngộ.

Câu đầu nhiếp trước, lý trí không hai. Câu kế hội trước chẳng trái nhau. Không thể trở xuống ý nói rằng trí ba thừa chẳng khác, là do chẳng chứng chứng thì liền hết, vì sao chia ra tiểu đại khác nhau? Bàn về lý dần dần hết.

Minh tiệm thứ mười ba là bầy trong mười Diển.

Nghĩa là kiết tập không thể hết ngay, vô vi không thể thấy ngay, thí như lau gương bụi cũng dần hết, ánh sáng cũng dần hiện.

Vô Danh chép: Vô vi không hai thì đã vậy rồi, kiết sử trọng hoặc mà cho rằng hết ngay cũng là chỗ chưa hiểu.

Hai câu đầu y cứ vào trước, kiết sử trở xuống là nói về tiệm ấy, đây nói về tịnh phương tiện. Người ba thừa đều dùng cái thấy trước hàng phục hoặc, lên địa vị kiến đạo rồi mới phân biệt hết, trong địa vị tư duy dần dần dứt câu sanh. Như thế đã trải qua càn tuệ cho đến đã làm xong địa vị Bích-chi-phật, Bồ-tát v.v... mới được vô lậu tận, trí vô sanh.

Kinh chép: Ba mũi tên trúng đích, ba con thú qua sông, trúng và qua không khác mà có sự khác ở cạn sâu, vì năng lực khác nhau.

Hai câu đầu dụ đều là nghĩa dịch cổ của luận Tỳ-bà-sa. Nên phẩm hai mươi hai của luận ấy chép: Giống như một đích hoặc cây hoặc sẽ,

các mũi tên đã trúng một chỗ như thế. Thế vô vi là sở hành của ba tướng v.v...

Phẩm năm mươi lăm chép: sông mười hai nhân duyên rất sâu, người có thể tận đáy của nó, gọi là Phật, Hai thừa không được như vậy, như ba con thú qua sông là thỏ, ngựa, voi. Thỏ thì nhảy mới qua, ngựa thì có khi tận đáy có khi không tận đáy. Hương tượng, thì lúc nào cũng đều tận đáy, v.v...

Chúng sanh ba thừa như thế đều vượt qua bờ duyên khởi, cùng xét đích của bốn đế, dứt ngụy thì chân cùng lên bến vô vi. Nhưng sở thừa chẳng phải một, cũng vì trí lực khác nhau.

Duyên khởi là mười hai nhân duyên. Tân là mới vượt qua, qua rồi gọi là Tế. Bốn đế rất dễ biết, hoặc duyên hoặc đế tùy theo một pháp môn mà ba bậc cùng bảm thọ là ý Thông giáo.

Đã bảm thọ pháp môn không khác, tùy theo cơ nghi chỉ thành Bồ-đề của thừa mình, cũng là ý của Bà-sa.

Niết-bàn lược chép rằng: Mười hai duyên sanh trở xuống dùng trí quán thì đắc đạo Thanh văn, v.v... Lý kiến đế gọi là trúng đích, hành tướng đều nhiều như thuyết Bà-sa. Bặt ngụy là dứt hoặc, tức chân là chứng lý, đồng lên vô vi là nói chỗ đến không khác, nhưng kỳ trở xuống nói người đến có khác.

Câu sau thì Luận Ngữ chép: Bần không trúng đích vì năng lực khác nhau, dùng pháp đối dụ, rõ ràng rất dễ biết.

Các hữu tuy đồng nhưng lượng ấy có bờ mé, chỉ giúp cho trí giống như Thân Tử, biện tài như Mãn Nguyệt, cùng tài cực lực không ngầm xem xét bên ấy. Các hữu tức là muôn vật. Lượng là biên lượng sự pháp duyên khởi, tuy rộng lớn không bờ mé nhưng có danh có tướng đều thuộc về phần giới hạn. Nên nói là có bờ mé. Thân Tử tức ngài Xá-lợi-phất, vì là bậc trí tuệ bậc nhất. Mãn Nguyệt chính là Phú-lâu-na, vì biện tài bậc nhất. Ý nói tục đều có giới hạn chỉ khiến cho cùng sự biện tài của Mãn Nguyệt, không thể nói hết danh ấy. Trí của Thân Tử suy nghĩ cũng không thể biết hết hình trạng ấy. Nên kinh Niết-bàn phẩm ba mươi lăm chép: Thuở xưa, một thời ta ở núi Kỳ-xà-quật luận bàn về thế đế với Bồ-tát Di-lặc và năm trăm vị Thanh văn như Xá-lợi-phất v.v... đối với việc ấy đều không biết hướng chi là nghĩa đế bậc nhất xuất thế?

Phàm là số hư vô, cõi trọng huyền, đạo ấy không giới hạn mà muốn liền tận ư? Hư vô và trọng huyền và bất chước sách của Lão làm Thanh văn, nghĩa là Niết-bàn. Số có giới hạn khiến người trí phân biệt

còn không biết được bờ mé của nó. Chân thật không hạn cuộc khiến chúng sanh Ba thừa muốn làm cho liền hết, đâu có thể được như vậy.

Thí như đài chín tầng không thể bước qua v.v... muôn dặm xanh thăm liền muốn thẳng bậc, đối với đạo chưa cho phép.

Thư không chép, vì người học càng thêm nhiều người làm đạo càng ít đi. Người làm đạo là làm ở vô vi, làm ở vô vi mà ngày càng ít, đây đâu phải nói là liền được ư? Muốn ít lại ít, cho đến ở không ít, trích dẫn sách Lão. Luận chủ ở trung gian mà giải thích, lấy dụ lý dần đoạn như tiết cấp thấy trước thấy sau, vị tánh tông tướng tông lần lượt gợi vị dứt hoặc đều là lý này.

Kinh Phóng Quang quyển hai chép: Xá-lợi-phất, thí như ánh sáng con đom đóm, trùng ấy không nghĩ như vậy. Ánh sáng của ta soi cả Diêm-phù-đề, đều khiến cho sáng rực. Như thế Xá-lợi-phất, các Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không nghĩ rằng mình sẽ thực hành sáu Ba-la-mật, đầy đủ mười tám pháp thành A-duy-tam Phật, độ thoát chúng sanh. Xá-lợi-phất, thí như mặt trời mọc chiếu khắp cả Diêm-phù-đề, chẳng nơi nào không sáng. Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật như thế, đầy đủ mười tám pháp thành A-duy-tam Phật độ tất cả chúng sanh nhiều không thể tính đếm.

Cơ động thứ mười bốn, bảy trong chín chiết, đó là giễu cợt. Cũng vặn hỏi rằng: Trước nói dứt hoặc chứng lý, thêm bớt v.v... đều là động. Nên luận văn tuy trích dẫn kinh để nói rõ nhưng trong ý có bao gồm nghĩa trước. Như ở dưới chép: Đã dùng lấy bỏ làm tâm, thêm bớt làm thể há chẳng phải là động của dứt hoặc chứng chân ư? Đã dùng cơ và động thì muốn nói động mà thường tịch, tịch mà hằng động, hạnh vô trụ, sự lý song tu, nếu không như vậy làm sao chứng quả vô trụ Niết-bàn? Hữu Danh chép: Kinh nói pháp thân trở lên nhập vào cảnh vô vi, tâm không thể dùng trí mà biết, hình không thể dùng tượng mà lường, thể bất ẩm nhập, tâm trí vắng lặng, nhưng lại nói rằng: Tiến tu ba vị, chứa đức càng rộng. Trong phần Phương Quảng cùng nêu Bồ-tát nhập địa, vì tâm chứng chân như lìa phân biệt nên trí không biết, vì lấy pháp làm thân nên tượng không lường được. Đến thất địa thân tâm vô tướng làm sao tiến lên ba địa sau, sao chẳng động ấy?

Phàm tiến tu vốn ở ưa chuộng, tích đức sanh ở hợp cầu ưa chuộng thì chấp bỏ tình kiến, thiệp cầu thì thêm bớt lẫn nhau hiện bày. Hai câu đầu suy ra nhân nghĩa là tâm có ưa chuộng ở hậu vị, cho nên tiến tu phần cao siêu ấy. Thân có thiệp cầu ở các đức, cho nên lại ra ở tự phần.

Hai câu kể nói lên lỗi lầm ấy, lấy sau bỏ trước bớt chượng thêm đức đều là động của phân biệt. Đã lấy lấy bỏ làm tâm, thêm bớt làm thể mà nói thể bất ẩm nhập, tâm trí vắng lặng. Văn này trái nghĩa cao siêu mà hợp một người, vì bốn điều này thì thân tâm đều hiện, vì sao mà nói thể bất v.v... văn nghĩa đã khác, động tịnh trái nhau. Hội thuộc về một Nho Đồng, vì sao?

Chẳng khác chỉ Nam làm Bắc, lấy hiểu mê phu. Nam dụ cho động, bắc dụ cho tịch.

Trong kinh nói là tịch là động khiến người vâng thực hành theo. Đã hai lý trái nhau làm sao chuẩn xác? Thí như muốn về phía Bắc mà đi về phía Nam. Như nay cho rằng tịch mà trái lại chỉ động. Vì sao khiến mê phu người hành hiểu rõ? Nam Bắc dụ cho động tĩnh, Nam vì đồ sáng nên dụ cho động, Bắc vì sâu tối nên dụ cho tịch.

Động tịch thứ mười lăm, tám trong mười Diển. Pháp thân trở lên hạnh hạnh hợp chân, ngay tướng là vô tướng vì sao có động mà vắng lặng, tịch mà bất động ư? Nay nêu động tĩnh không nói là tịch động. Vì trong câu hỏi chỉ giấu cột đồng ấy. Ý nói rằng động thì trái tịch, khi không biết động hoàn toàn là tịch nên nói động tịch. Nhưng hành giả bảm thọ thật giáo ngộ lý khởi hành, bất luận phạm phu hướng chỉ là Thất địa ư?

Diển này nói lên nhân vô tánh mới khế hợp quả Vô trụ.

Vô Danh chép: Kinh nói bậc Thánh không làm mà không điều gì không làm.

Kinh Phóng Quang phẩm hai mươi chép: Đức Phật dạy, vì hợp không chỗ làm, thực hành Bát-nhã Ba-la-mật v.v... vô vi là vắng lặng. Không điều gì không làm là động vì tịch không ngăn ngại động.

Vì vô vi nên tuy động mà thường tịch. Vì chẳng điều gì không làm nên tuy tịch mà thường động. Vì tuy tịch mà thường động nên vật chẳng phải một. Vì tuy động mà thường tịch nên vật chẳng thể hai. Vì vật không thể hai nên càng động thì càng tịch. Vì vật không thể một nên càng tịch thì càng động. bốn câu đầu nhiếp nhau nói lên động tịch chẳng trái nhau. bốn câu kể nói lên hai pháp chẳng phải một chẳng phải khác. bốn câu sau nhiếp trước, giải thích thành hai hạnh song lưu.

Cho nên làm tức là không làm, không làm tức là làm, động tịch tuy khác mà chẳng gì có thể khác. Dựa vào văn ba đối trước, nhất trí đã rõ, đây chỉ kết thành chỗ dẫn kinh trước, đáp chung động tiến tu. Đã làm tức là không làm làm sao tiến tu ba vị, một câu thuộc về động. Kinh Đạo Hành chép: Tâm chẳng phải có, cũng chẳng phải không, ngay đoạn

vấn trong quyển đầu của kinh ấy, y cứ vào câu hỏi trước, thân tâm đều nói vì tiến tu là tâm chấp, bỏ, tích đức là thân thiệp cầu. Nay trong phần đầu trả lời về tiến tu, dẫn văn làm không làm, ý lại thuộc về thân vì vận hành do thân nên nay đáp tích đức, mà lại dẫn văn tâm cũng không thật có. Ý do thiệp cầu há chẳng phải tâm ư?

Nói chung hành do thân vận, thân do tâm sách tấn, thân tâm tương ưng lẫn nhau nêu đều rất dễ biết. Huống chi là Bồ-tát pháp thân chứng tâm thành thân, không hề có chút khác chẳng những động tịch không khác mà chính thân tâm cũng nhất trí.

Không có là không giống như có của có tâm, không không là không giống như không của không tâm, nghĩa như ở dưới giải thích.

Vì sao? Vì có tâm là chúng thứ. Vô tâm là thái hư.

Chúng thứ dừng vọng tưởng, thái hư bật ở linh chiếu, đâu thể dừng vọng tưởng bật linh chiếu ư? Nếu thần đạo ấy mà nói tâm Thánh ư? Chúng thứ nghĩa là phạm phu.

Hai câu đầu chỉ cho thể, hai câu kê bày lỗi, đâu thể trở xuống chính là phân biệt.

Vì thế tâm Thánh không thật có nhưng chẳng thể nói là không tâm Thánh chẳng không chẳng thể nói là có. Vì bác bỏ hai kiến nên nói chẳng phải có chẳng phải không, đâu có thể nghe nói chẳng có lại chấp là không ư? Vị là chấp vị trong vị.

Vì chẳng có nên tâm tưởng đều diệt. Vì chẳng không nên lý đều khế hợp. Vì lý không thể không khế hợp nên muôn đức rộng mở ở đây. Vì tâm tưởng đều diệt nên công thành chẳng phải ngã.

Hai câu đầu lừa lỗi, hai câu kể chứng lý, hai câu kể tiếp ban đầu do khế lý, Hằng sa Phật pháp mỗi mỗi đều theo lý mà cùng khắp pháp giới.

Hai câu sau do tâm tưởng diệt nên công đều là vô tướng, không cho phép ta chứng ta làm.

Vì sao cho đến chứa đức khởi lên ở thiệp cầu?

Cho nên ứng hóa vô phương không hề có làm, vắng lặng bất động không hề không làm.

Kinh chép: Tâm không làm, mà chẳng chỗ nào không làm, tin chẳng?

Hỏi Đáp đến đây lý đã rõ, trước kết sau chứng văn đều có thể rõ. Kinh đã dẫn cũng là nghĩa dẫn Đại Phẩm v.v... như phẩm Vô Tác chép: Bồ-tát thực hành Bát-nhã không thực hành sắc, là thực hành Bát-nhã không thực hành thọ tưởng v.v... là thực hành Bát-nhã, v.v... Từ đây trở

xuống hiểu rộng giáo lý nghĩa chẳng khác trước.

Nho Đông nói: Xưa trong vô số kiếp ta bố thí cho người vô số đất nước của cải thân mạng, với tâm vọng tưởng thì chẳng phải thực hành bố thí. Nay đem tâm vô sanh ngũ hoa cúng dường Phật mới gọi là thí. Lại nữa, Bồ-tát Không Hạnh vào môn không giải thoát mới nói nay là lúc hành chẳng gọi là lúc chứng. Trí Luận quyển mười sáu chép: Trong vô lượng kiếp ta thí đầu mắt tủy não cho chúng sanh, giúp cho nguyện của họ được viên mãn. Cho đến siêng năng tinh tấn cầu công đức này, muốn đầy đủ năm Ba-la-mật, lúc ấy ta chưa có sở đắc, gặp Phật Nhiên Đăng dâng năm cành hoa cúng Phật, trong Bồ-phát-nê đắc pháp nhân vô sanh liền đầy đủ sáu Ba-la-mật v.v...

Giải thích rằng: Thất địa về trước trí tướng chưa hết, ba luận chưa không hoặc, trụ tướng hành thí chẳng phải chân thí, vì chẳng thuận với chân. Thí đã như các giới này đều như vậy. Nếu một lệ cho tất cả. Đến địa vô tướng tướng trí đã mất, vô sanh lại chứng thí vô sở trụ, thậm khế hợp với chân, thí tuy có năm cành hoa ít ỏi nhưng thân mạng cao quý hơn trước nhiều. Đê dầm hải lượng đầu dầm nhìn nhau. Duyên cúng hoa như kinh Bản Hạnh. Lại nữa không thực hành trở xuống, kinh Phóng Quang phẩm hai mươi lược chép: Bồ-tát thực hành không, vô tướng, vô nguyện Tam-muội v.v... nay chính là lúc thực hành năm Ba-la-mật chẳng phải là lúc chứng, đều nói lên động tịch không ngăn ngại.

Vậy thì tâm càng rộng thực hành càng rộng, suốt ngày thực hành chẳng trái với không thực hành, nghĩa là thực hành cái hành vọng tưởng, động mà thường tịch.

Vì thế kiếp hiền gọi là đàn vô xả, Thành Cụ khen làm không làm, Thiền kinh xưng lòng từ vô duyên, kinh Tư Ích nói tri của bất tri.

Tiếng Phạm là Đàn-na, Hán dịch là bố thí kinh Hiền Kiếp chép: Tất cả các pháp không chỗ nào không cho ấy gọi là bố thí.

Kinh Thành Cụ chép: Không làm mà làm.

Thiền Kinh chép: Từ tâm Tam-muội có vô duyên từ. Kinh Tư Ích lược ghi: Biết không lấy bỏ mới là biết.

Thánh chỉ sâu xa, khác văn nhưng đồng phân biệt. Văn tuy khác nhưng nghĩa thì nhất quán mà huyền thông.

Đâu thể cho hữu vi liền hữu vi, vô vi liền vô vi ư? Bồ-tát trụ pháp môn bình đẳng tận bất tận, bất tận hữu vi không trụ vô vi tức thuộc về sự.

Hai câu đầu trách dị kiến động tĩnh. Bồ-tát trở xuống là dẫn kinh bày lý, ngay Danh Kinh lược: Phương trên thế giới Bồ-tát Hương Tích

muốn trở về bốn quốc, hướng Phật cầu pháp. Phật dạy: Có pháp môn hữu tận vô tận giải thoát các ông nên học v.v... Như Bồ-tát là bất tận hữu vi, không trụ vô vi, kia sơ giải rằng: Hữu vi tuy là đối nhưng bỏ thì đại nghiệp không thành. Vô vi tuy thật nhưng trụ vào đó thì tuệ tâm không sáng tức là việc ấy giống động tịch trước vô ngại. Nếu dị kiến có không đâu thuận nghĩa kinh ư? Đã nói là bình đẳng thì tận và bất tận hạnh ấy là một. Mà cho Nam bắc là dụ, khác chẳng nói lãnh hội. Lãnh là lãnh nạp, hội là kế hợp. Vân Am nói: Phương Nam bắc là khác, hai hành động tịch thường là một, đem định dị dụ với thường nhất đâu thể lãnh hội ư?

Cùng nguyên thứ mười sáu, tám trong chín chiết. Cùng là cùng thảo, nguyên là cội nguồn.

Vân Am nói: Do chương trước đã biết Nhất thừa chánh hạnh động tịch cùng thời. Nay thì hạnh thành sẽ chứng, chẳng hay người năng chứng minh và pháp sở chứng, ai trước ai sau? Tùy một làm nguồn cả hai đều có lỗi, nên nay cùng ấy.

Hữu Danh nói: Chẳng phải chúng sanh thì không cho ngự ba thừa, chẳng phải ba thừa thì không cho thành Niết-bàn, nhưng phải có chúng sanh trước sau mới có Niết-bàn, trái lại rõ ràng.

Ý nói rằng: Vì trước có chúng sanh, sau đó điều khiển nhân ba thừa, chứng quả Niết-bàn, đây là lập lý. Nhiên tất trở xuống, định trước sau. Vậy là Niết-bàn có được, có trước thì có sau, có lỗi trước sau sanh diệt, vì sao trước dẫn kinh chép rằng: Không trước không sau? Lại chép sáu đường không thể sanh, lực phụ không thể hóa.

Mà kinh chép: Niết-bàn chẳng trước chẳng sau, trong lặng như hư không, Niết-bàn có trước. Kinh này quyển hai mươi một chép: Niết-bàn chẳng trước chẳng sau, v.v... Hư không là dụ, trong kinh phần nhiều đều có.

Chẳng còn học mà sau thành tựu, có lỗi không do tu chẳng do tu học rồi mới thành tựu, đâu cần thực hành hạnh ba thừa.

Thông cổ thứ bảy, chín trong mười Diển. Thông là đồng. Cổ là trước.

Ý nói rằng: Thể tánh Niết-bàn xuất xứ từ vô thỉ vô chung xưa. Nay trí ba thừa vốn là trí tức lý, không chứng thì thôi, chứng rồi thì thăm giống, vì sao có trí tức lý, chứng lý tức là trí còn phân biệt xưa nay khác nhau mà không thông đồng. Nên Sanh Công nói: Nếu tìm đường ấy chính là ta mới biết, chẳng chiếu nay có chiếu không ở nay tức là không gì trước là lớn. Đã nói lớn nên gọi là Thường. Cộ trở xuống nói: Lý mà

thành Thánh, Thánh chẳng khác lý, diễn này minh chứng cùng tự tánh đồng tự tánh.

Vô Danh nói: Niết-bàn rộng rang không tượng mà muôn vật đều do tâm tạo, Bạc Thánh thâm hợp nhất với lý nên nói rằng không tượng. Muôn vật trở xuống tâm tuy vắng lặng nhưng cũng không lìa các pháp vì tất cả pháp đều do tâm khởi.

Hội muôn vật để thành mình, đó chỉ là bạc Thánh thôi. Hội là chứng hội. bạc Thánh rõ pháp tức là tâm, trước thì dựa vào tánh khởi tướng, đây thì hội tướng trở về tánh, cho nên thành Thánh kinh Lăng-nghiêm chép: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay mê mình là vật, đánh mất bản tâm bị vật xoay chuyển. Nếu chuyển được vật thì đồng Như lai. Vân Am nói: Thuở xưa Hòa thượng Thạch Đầu đọc đến chỗ này bèn hoát nhiên đại ngộ nói: Bạc Thánh không có mình mà chẳng chỗ nào không phải là mình, pháp thân vô tướng ai nói là tự tha. Gương sáng chiếu soi trong đó, thể muôn tượng sâu xa mà tự hiện, vì sao chẳng phải lý thì không có Thánh, chẳng phải Thánh thì không có lý, lý mà thành Thánh thì Thánh chẳng khác lý.

Hai câu đầu nói tâm cảnh thành tựu lẫn nhau. Nếu không chứng lý tánh không của muôn vật, thì làm sao thành Bạc Thánh? Nếu chẳng phải Thánh trí thì cũng chẳng thấy lý tánh không. Ở đây giống với trong luận Niết-bàn ở trước trong ngoài giúp nhau mà thành công. Hai câu sau nói tâm cảnh chẳng khác. Một câu đầu nhiếp trước, đã chứng lý thành Thánh thì Thánh trí đâu khác lý? Đây là nói Thánh trí thông đồng với lý, rõ ràng không có sự khác nhau về xưa nay, trước sau.

Nên Thiên Đế nói: Bát-nhã phải tìm ở đâu? Thiện Cát nói; Chẳng thể tìm trong sắc, cũng chẳng thể lìa sắc mà tìm. Lại nói: Thấy duyên khởi là thấy pháp, thấy pháp là thấy Phật. Văn đầu là văn trong phẩm Tán Hoa của Đại Phẩm Bát-nhã tức là tâm năng chứng, sắc tức là cảnh sở chứng, nêu sắc lệ trong đó. Muôn pháp đều như vậy, chẳng thể đối với sắc mà tìm vì tâm cảnh chẳng phải một. Không thể lìa là vì tâm cảnh chẳng khác, vì sắc tức không, không tức cảnh. Như ngoài không trí nên nói chẳng lìa. Lại nói trở xuống là văn Niết-bàn. Duyên khởi là mười hai nhân duyên. Pháp là tánh không, Phật là trí giác, thấy lý duyên khởi tánh không thì thấy Phật, như trí chẳng khác.

Ở đây là theo vật và ta chẳng khác, vật tức là cảnh vì ngay vật nói như nên ta chính là tâm. Vì y cứ Thánh xưng ta nên rốt ráo chứng ngộ, Niết-bàn chẳng trước, ba thừa chẳng sau.

Cho nên Niết-bàn ngừng huyền cơ ở chỗ chưa biết, ẩn giấu minh

vận ở liền hóa, gồm sáu hợp (bốn phương và phương trên, dưới) để soi tâm, một quá khứ vị lai đã thành thể. Trước dẫn Thánh giáo để nói lý trí thâm khế hợp không hai, cho là định lượng, mới nói chi nhân (Niết-bàn) dùng trí khế lý, cũng vắng lặng thâm thông. Trấp là dùng, cũng là huyền cơ là trí. Nghĩa vi diệu là khi trí chứng lý, toàn dùng trở về thể không còn chạy theo cảnh.

Đại sư Thanh Lương nói: Trí thể không tự tức là chứng như. Minh là vắng lặng, vận là động. Tức như hợp xứng của trí. Hóa là muôn hóa tức tự.

Ý nói rằng: Thể ngầm vận là cõi muôn hóa, sự hiển lý ẩn nghĩa là ẩn kín.

Đại sư Thanh Lương nói: Chân đế vắng lặng ở cõi muôn hóa. Sáu hợp là cõi tục đế. Dĩ dụng nghĩa là nói chung việc của sáu hợp, cho là tâm linh giám, không có một pháp nào chẳng phải tâm. Một lần qua lại trở xuống, khứ là quá khứ tức là xưa, lai là vị lai cũng gồm nghĩa hiện tại nay. Đã lẫn lộn ba đời làm thể vì sao xưa mà không thông? Trước thì thống nhất sáu hợp khắp mười phương, đây thì bao gồm ba đời thông suốt xưa nay. Thành thể là lại y cứ vào sự dung hợp tâm cảnh chân tục ban đầu của Thánh trí, nghĩa nói thành như vậy.

Ngài Khuê Sơn nói: Không đến, không đi, ngầm thông cả ba đời. Hỏi Phật dùng nhiều thuyết Tô Mạn, luận chủ lấy gì làm văn? Đáp: Dùng phương tiện khéo léo dừng lại máy của người xinh đẹp, nên hạng phong văn gọi là giống thể tục. Tán Ninh nhạo người dùng văn ấy Tuệ Đạt biết người lỗ mãng ấy, vì ông ngu vật lại tìm ý lập lời. Như Đạt sư không hại đến văn, nên nay chắc chắn hiểu, chỉ dùng nghĩa bên trong mà giải thích lời hay, giúp cho biết văn của luận chủ dựa vào kia nghĩa thuộc ở đây.

Xưa nay chung trước sau, giống cùng gộc cực ngọn, chẳng có gì cùng với hai, rộng lớn đều gọi là Niết-bàn, nói lên thể vắng lặng của tâm cảnh ở trước. Trong câu đầu dựa vào Chung giáo để phân biệt. Như Đại Sớ chép: Tâm vắng lặng chí đạo hợp nhất xưa nay. Y cứ vào đốn giáo thì một niệm không sanh, đoạn dứt quá khứ vị lai thì gì là xưa, gì là nay. Y cứ vào Viên giáo thì hai tướng xưa nay liền vào viên dung, càng thấy thông suốt. Câu kế vì trước sau giống nhau nên Niết-bàn của ba thừa sơ chứng chẳng phải trước, rốt ráo chứng cũng chẳng phải sau. Bốn mặt tức là lý sự, sóng biển đều ướt. Hạo nhiên là mệnh mông rộng lớn vô bờ. Thái Quân là hữu tình và vô tình chẳng khác, nhiễm phi nhiễm đều bình đẳng, không có một pháp nào chẳng phải Niết-bàn.

Kinh chép: Không lìa các pháp mà được Niết-bàn, lại chép: Vì các pháp vô biên nên Bồ-đề cũng vô biên. Lại nói trở xuống, kinh Phóng Quang phẩm ba mươi chép: Vì các pháp không bờ mé nên Bát-nhã Ba-la-mật cũng không bờ mé v.v..., dẫn đây chứng lý trí đều dựa vào các pháp, tức là nói lên tâm cảnh chẳng khác. Hai văn lồng vào nhau tìm kỹ sẽ biết.

Vì biết đạo Niết-bàn tồn tại ở diệu khế, tinh túy của khéo khế vốn ở thâm hợp nhất. Dĩ tri là dựa vào kinh tìm lý, lý tự sáng tỏ quý ở khéo hợp, nghĩa diệu hợp vốn ở vọng trí, bên trong thâm hợp hai mà không hai, một cũng bỏ. Văn này cũng chung lúc bao gồm nghĩa trí hội trước, thông với (xưa).

Vậy thì vật chẳng khác ta, ta chẳng khác vật, vật và ta huyền hội trở về vô cực, như trí huyền tịch gọi lời đến vô cực, không chỉ có chỗ như trí quy.

Tiến thêm một bước chẳng phải trước, lùi một bước không sau, đâu cho phép trước sau đối với đó?

Tiến lùi là dựa vào người, trước sau là chỉ chung cho người và pháp. Người Ba thừa tiến mà chứng thì chẳng phải trước, vì không có quá khứ. Người mê lùi mà chưa chứng chẳng phải sau, vì không có vị lai. Thiên tử nói; Bạc cao tuổi giải thoát cũng lâu như thế nào?

Kinh Tịnh Danh chép: “Xá-lợi-phất hỏi Thiên Nữ: “Cô đối với thất này bao lâu rồi?””

Thiên nữ đáp: Như sự giải thoát của vị lớn tuổi ở đây lâu như vậy à! Thiên nữ v.v... giải rằng: Bạc kỳ tức là người lớn tuổi như Thân Tử (Xá-lợi-phất). Thân Tử đã chứng pháp giải thoát, đâu thuộc về thời xa gần ư? Nên nói như vậy.

Khảo đặc thứ mười tám, chín trong chín chiết. Khảo là nghiên cứu. Dựa vào trước, không lìa các pháp mà được Niết-bàn, dựa vào đó mà khảo cứu, tận ấm tồn ấm trái giáo trái lý, nên làm sao mà đặc? Cho nên sau cùng phân biệt đây là từ trước phân biệt ngộ tu trước sau, ý nghĩa đã khắp, rốt ráo chứng nhập ở sau cùng nên nói là khảo cứu.

Hữu Danh nói: “Trong kinh chép: “Tánh chúng sanh rốt cuộc đối với năm ấm””. Lại chép: Đặc Niết-bàn thì năm ấm đều hết, ví như đèn tắt. Kinh này phẩm hai mươi chín chép: Lìa năm ấm rồi thì chẳng khác chúng sanh. Lại chép trở xuống, hai câu đầu chỉ cho thể của chúng sanh, vì năm ấm chính là thể. Hai câu kế chỉ bày chứng tướng, phép dụ rất dễ hiểu.

Vậy thì tánh chúng sanh lập tức dứt hết trong năm ấm, đạo Niết-

bàn lập riêng ngoài ba cõi, xa xôi nhưng khác cõi, chẳng còn chúng sanh được Niết-bàn, thuận kinh mà trái lý. Vì năng đắc thì năm ấm đã hết đối với cõi. Sở đắc thì Niết-bàn độc lập ở ngoài cõi. Nếu nói rằng đắc thì có hai điều trái lý; một là tận ấm ái đắc; hai là trong ngoài cách biệt. Nếu có đắc thì tánh chúng sanh không chỉ ở năm ấm, nếu dừng ở năm ấm thì năm ấm đều không tận hết. Nếu năm ấm đều tận thì ai được Niết-bàn? Tôn ấm thuận lý mà lại trái với kinh. Nếu chắc chắn được thì ngoài ra còn có hai nghĩa; một là lẽ ngoài năm ấm lại có tánh chúng sanh năm ấm làm cho tận, tánh ngoài ấm làm cho được. Nên nay luận chép: Nếu có đắc v.v... cả hai e rằng trái với chỗ cùng cực năm ấm mà kinh nói ở trước, đâu cho phép ngoài ấm lại có tánh chúng sanh ư? Nếu đây ứng hợp với năm ấm thì không hoàn toàn dứt hết, hoặc dứt hết thô còn tế, hoặc diệt sắc còn tâm là năng đắc thì chắc chắn như đều dứt hết thì ai là năng đắc? Nên luận chép: Nếu quả thật dừng ở năm ấm v.v... lý này đã thông nhưng cũng trái lời kinh trước đã chép là năm ấm đều dứt hết. Y cứ vào sự còn mất này đều trái chẳng thể không cứu xét. Ý này nói: Giáo lý Ba thừa dứt hết sanh tử, chuyển được Niết-bàn, mà không biết hai bên chẳng hai. Nên mượn sự hỏi đáp này khiến cho ngộ ngay vọng mà chân.

Huyền đắc thứ chín, mười trong mười diển.

Trước trình bày chứng rất ráo, đây là trình bày đắc diệu, không còn đắc tướng mà đắc gọi là huyền.

Vô Danh nói: Phàm chân do lìa mà khởi ngụy do dính mắc mà sanh, vì kẹt nên có đắc, vì lìa nên có tên. Vọng đắc gọi là lìa, Niết-bàn từ đây hiển bày. Có đắc gọi là kẹt, danh tướng từ đây mà sanh. Vô danh như vô đắc, đối với tị văn trước cũng có thể do lìa nên được lý vô danh.

Vì thế pháp chân là đồng chân, pháp ngụy là đồng ngụy. Pháp chân lìa đắc thì trí cũng chân, dựa vào ngụy mà sanh chấp trước, tâm niệm luống dối.

Ông đã cho có đắc là đắc nên cầu đắc ở hữu đắc, tôi cho không đắc là đắc nên đắc ở vô đắc. Hữu đắc là pháp ngụy, đắc cũng không đắc. Vô đắc là chân không đắc mà đắc. Tâm kinh chép: Vì vô sở đắc nên được Bồ-đề.

Lại mở cuộc bàn luận sẽ quyết định bốn ấy trước, đã nói về Niết-bàn thì không thể lìa Niết-bàn mà nói Niết-bàn. Nếu dựa vào Bát-nhã để khởi nói thì riêng cái gì không phải Niết-bàn, mà muốn được? Lời theo pháp mà khởi, bàn về chân lấy chân làm gốc, nói về tục, lấy tục

làm căn. Đã nói về thể của Niết-bàn thì chánh đáng như thể mà nói, thể của Niết-bàn càng ràng buộc pháp giới, không có một pháp nào chẳng phải là Niết-bàn. Nếu vậy thì vốn dĩ ngay đó làm sao nói đăc?

Luận Khởi Tín chép: Tất cả các pháp đều bình đẳng, tức chân tức như v.v...

Vì sao? Vì đạo Niết-bàn diệu tận thường số, dung hợp hai nghi (trời đất) gột rửa muôn vật, tất cả trời người động một khác, thấy bên trong không có mình thấy trái lại nghe không có ta nghe, không hề có đăc, chưa hề không đăc. Một câu đầu nêu thể, bảy câu kế phân biệt tướng, hai câu sau đều dứt. Thường số tức là ba đời, sự tướng, hữu vi v.v... Đây là nêu chung, phần dưới là nêu riêng. Hai nghi tức là trời đất. Muôn hữu là duyên sanh muôn vật, vì dung hòa cho nên bình đẳng trời người, vì gột rửa cho nên đồng một khác. Nói lên tướng không khác nhau của tự tánh Niết-bàn. Nội thị trở xuống hai câu là phân biệt theo sự thấy nghe, mắt không theo sắc gọi là một, bầy tánh không của sắc rỗng không, chẳng có đối xúc. Nên nói không có mình thấy. Tai không chạy theo âm thanh nên nói là phản thính, tánh không của thanh rỗng không nên bật âm thanh, nên nói chẳng có ta nghe. Mình và ta đều thuộc Niết-bàn, vì biết chẳng ngoài thân nên nói mình và ta. Không hề trở xuống rất dễ biết.

Kinh chép: Niết-bàn chẳng phải chúng sanh cũng chẳng khác chúng sanh.

Duy-ma-cật nói: Nếu Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng sẽ diệt độ. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh bản tánh thường diệt, không còn diệt nữa.

Kinh này phẩm hai mươi hai chép: Như lai chẳng phải chúng sanh cũng chẳng phải chẳng chúng sanh, vì Như lai chính là Niết-bàn nên có thể dẫn nghĩa.

Phẩm hai mươi chín chép: Tánh Phật và chúng sanh không phải một không phải hai v.v... Kế là dẫn Tịnh Danh, ngay quyển đầu phẩm Bồ-tát văn cũng có chút khác nhau. Kinh ấy chép: Chư Phật biết tất cả chúng sanh rất ráo vắng lặng, tức là tướng Niết-bàn v.v... đây gọi là diệt độ, ở chỗ không diệt, sanh tử như hoa đốm trong hư không xưa nay không khởi, thì đã diệt. bốn bậc như sóng nắng, ngay tướng vốn không, thì đã được độ.

Vậy thì chúng sanh chẳng phải chúng sanh, ai là người đăc? Niết-bàn chẳng phải Niết-bàn, ai là người có thể đăc?

Nhiên tắc là nhờ trước mà khởi, chúng sanh vốn diệt độ, đối với

diệt độ năng sở đều sai, làm sao đắc tướng?

Nên kinh Phóng Quang chép: Bồ-đề từ hữu mà đắc phải chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Vậy từ không đắc phải chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Từ có, không mà đắc phải chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Là có không mà đắc phải chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Vậy thì đều không có chỗ đắc phải chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Vì vô sở đắc là đắc cho nên đắc vô sở đắc.

Ở đây lấy nghĩa kết hợp văn trên dưới của kinh Phóng Quang mà thành lý này, chớ chẳng phải chánh văn, Đại Phẩm cũng giống.

Phẩm Tam Tuệ chép: “Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Nếu Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật có được Tát-bà-nhã hay chăng?””

Phật dạy: “Không được”.

Hỏi: “Không tu Bát-nhã có được trí tuệ hay chăng?”

Phật nói: không.

Hỏi: “Tu không tu được trí tuệ không?”

Phật nói: “Không”.

Hỏi: “Chẳng tu chẳng phải chẳng tu có được trí tuệ hay chăng?”

Phật dạy: “Không v.v...”

Kinh Phóng Quang phẩm hai mươi bốn lược chép: “Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, không trụ yếu nghĩa bậc nhất có thành A-duy-tam Phật chăng?””

Phật dạy: “Không”.

Cho đến bạch rằng: Sẽ không có Thế tôn không theo kịp Chánh giác hay chăng?

Phật dạy: “Không v.v...”

Trả lời trở xuống, kinh Phóng Quang, v.v... đều là nghĩa này. Những bốn câu trước có đắc, năm câu sau không đắc, đều chẳng thể không đắc mà đắc mới là huyền.

Vô sở đắc gọi là đắc thì ai sẽ không được?

Vô đắc mà đắc, chính vì thâm thông, đạo thâm thông thể khắp tất cả. Nên kinh Lăng-già chép: Vì biết xưa nay của chúng sanh mà

nhập Niết-bàn, riêng ai không đắc? Đây là tồn lai đắc. Mà trước nói bả ấm còn ấm gọi là trong gọi là ngoài, phân biệt như thế chẳng phải hỏi đúng.

Vậy thì huyền đạo ở nơi xa thẳm, nên chẳng đắc mà đắc, trí mầu còn ở ngoài vật nên chẳng biết mà biết. Đại tượng ẩn ở chỗ vô hình nên chẳng thấy mà thấy. Âm thanh lớn giấu trong tiếng nhỏ nên chẳng nghe mà nghe.

Ở đây có bốn cặp, câu trên đều nêu thể, câu dưới phân biệt đắc. Hai cặp đầu y cứ vào tâm cảnh, huyền đạo là cảnh. Bặt vực là ngoài sự. Trí mầu là tâm, đều chẳng phải tục đế nên nói ngoài vật. Hai câu sau rất dễ hiểu, chỉ y cứ vào cảnh nói đắc, y cứ sau sẽ hiểu, chỉ y cứ vào cảnh nói đắc, y cứ tâm mà nói biết. Hai cặp sau dựa vào danh tướng để phân biệt, đại tượng chẳng phải tướng, không còn tướng để thấy, sau đó thật thấy, còn tướng thì không thấy. Đại âm chẳng phải tiếng, không chạy theo âm thanh để nghe, sau đó nghe khắp, chạy theo âm thanh thì không nghe. Cho nên lia bên trong, đuổi theo ngoài mà không được chỉ vì vô hình, Quan Âm nghe trái lại mà viên thông. Vì ngay tánh nguyện cho các đạt sĩ đừng chạy theo hình tướng, âm thanh.

Nên có thể bao trùm suốt xưa khai ngộ các phương đình độc dân chúng, xa mà không thẳm, mênh mông bát ngát thay! Đâu chẳng nhờ đó ư? Nói lên dụng của Niết-bàn, liền xuất hiện đại dụng vô bờ, thông hai khoa trước lần lượt như thế thì rất có lý do, nghĩa là đầu tiên nêu thể sở đắc, kế đến nêu môn chứng đắc, đã chẳng đắc mà đắc, từ đắc khởi dụng, mở bày cho chúng sanh, nên sau cùng nêu đại nghiệp dụng. Hay thay, luận này ba lời đều khéo ghi chép đăng thành bốn Thánh, xưa nay gọi là tứ bặt, nhiều đời danh đức quý báu mà dùng vì lý do đó.

Bao gồm vẫn có chút thay đổi, kia nói rằng: Bao gồm không có lỗi, nghĩa là buộc túm miệng túi ấy. Nay dùng làm nghĩa bao gồm. Suốt xưa là lâu, nghĩa là thể Niết-bàn đã khắp đã tròn đầy, nói dụng của thể cũng tràn khắp bao la. Đình độc nghĩa là dưỡng dục. Sơ nhi trở xuống nghĩa là diệu dụng vô hình, nghĩa như sơ viễn, nhưng đạo ứng cơ không hề bỏ sót, văn mượn từ sách Lão tử. Kia chép: Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt, uông dương là khen dụng rộng lớn.

Nên Phạm Chí nói: Ta nghe Phật nói, nghĩa ấy sâu rộng, mênh mông vô bờ, chẳng thể không thành tựu, chẳng thể không độ sanh tức là lời khen Phật của Phạm Chí Xà-tuần trong kinh Bát Sư chính là lấy dụng hóa sanh làm chứng.

Cho nên con đường ba thừa khai mở, phân biệt đường chân nguy,

tồn tại đạo Hiền Thánh, nói lên sự tinh tế của vô danh.

Nghĩa chín chiết đều là ba thừa, lời mười diễn đều là Nhất thừa. Lấy thật của Nhất thừa mà khai quyền ba thừa, khiến bỏ Tiểu thừa nhập Đại thừa, dẫn quyền về thật, chính là giống Pháp Hoa mở bày môn phương tiện chỉ tướng chân thật, vô danh là chân, hữu danh là giả. Hiền Thánh trở xuống y cứ theo trong ngoài. Các nhà bàn về nghĩa để rộng lớn vô Thánh. Nay nói về bậc Thánh chứng thể khởi dụng. Hiền triết bất chước theo. Bồ-tát chứng Niết-bàn mà tiến tu, không hành nhập vào không mà khởi hành, đâu nói là: Không ư? Nên nói còn, vốn diễn vô danh để soạn luận. Văn mười diễn để mở chấp hữu danh, chấp đã tiêu mất, bản trí tự nói lên, chia văn kết hợp, e nhập vào phần kiến.